



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

12

Tháng 06 - 2010

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT PHONG TRÀO NGƯỜI PHỤ NỮ “GIỎI VIỆC NƯỚC, ĐẢM VIỆC NHÀ” (2005-2009) CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN BỘ XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2010



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

12

SỐ 12 - 06/2010

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị 5
- Nghị định số 71/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở 6
- Quyết định số 819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu 9
- Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia 10
- Thông tư số 14/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư và xây dựng, huy động và quản lý nguồn vốn tại xã Tân Thông Hội để thực hiện thí điểm chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới 12
- Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của "Quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội" ban hành kèm theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND thành phố Hà Nội 14



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Cẩm nang dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam 16
 - + Chương trình bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo Sở theo tiêu chuẩn lãnh đạo do Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ ban hành 17
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch cấp nước, thoát nước và khu xử lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long 18
- Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010 20
- Tối ưu hóa tiêu hao năng lượng trong hệ thống quản lý năng lượng của Nhà máy xi măng Holcim GmbH ở Dotternhausen, Đức 22
- Phát điện nhiệt thải ở Trung Quốc 24
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo trì công trình phủ xanh đô thị 25
- Nguyên nhân và cách đối phó với tình trạng nứt gãy đường nhựa trong thời gian đầu sử dụng 29
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 32

Thông tin

- Hội nghị Sơ kết công tác lập quy hoạch xây dựng 11 xã thí điểm thuộc Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới 34
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và xây dựng kỷ niệm 35 năm ngày truyền thống, 10 năm cổ phần hoá doanh nghiệp và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất 36
- Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm Phong trào người Phụ nữ "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" (2005-2009) 38
- Những tồn tại, thách thức trong công tác quy hoạch phát triển, quản lý sử dụng đất đô thị hiện nay 39
- Chính sách phát triển ngành nhà ở khu vực huyện của Trung Quốc 42
- Các tỉnh phía Tây Trung Quốc trên đà phát triển mạnh mẽ 45

**VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW****Nghị định số 64/2010/NĐ-CP của Chính phủ
về quản lý cây xanh đô thị**

Ngày 11/6/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 64/2010/NĐ-CP về quản lý cây xanh đô thị. Nghị định quy định về quản lý cây xanh tại các đô thị trên phạm vi toàn quốc và áp dụng với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên lãnh thổ Việt Nam.

Nghị định đề ra các nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị, theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý cây xanh đô thị, có phân công, phân cấp trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng, khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch; trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn kỹ thuật đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

Nghị định quy định, khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải bảo đảm quỹ đất cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết khu đô thị mới đã được phê duyệt đồng thời phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý theo quy định của UBND cấp tỉnh. Khi xây dựng mới đường đô thị phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật; khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình đường ống kỹ thuật hoặc khi tiến hành hạ ngầm các công trình đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển, trồng mới cây xanh, chủ đầu tư

phải thông báo cho cơ quan quản lý cây xanh trên địa bàn biết để giám sát thực hiện.

Theo Nghị định này, quy hoạch cây xanh đô thị là một nội dung trong quy hoạch đô thị. Trong quy hoạch đô thị phải xác định chỉ tiêu đất cây xanh, tổng diện tích đất cây xanh cho toàn đô thị, từng khu vực đô thị, diện tích đất để phát triển vườn ươm và phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị; trong quy hoạch phân khu đô thị phải xác định cụ thể: vị trí, quy mô, tính chất, chức năng, phạm vi sử dụng đất cây xanh đô thị, các nguyên tắc lựa chọn loại cây trồng; trong quy hoạch chi tiết đô thị phải xác định cụ thể chủng loại cây, tiêu chuẩn cây trồng, các hình thức bố cục cây xanh trong các khu chức năng; xác định vị trí cây xanh trên đường phố.

Các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải có giấy phép bao gồm cây xanh thuộc danh mục bảo tồn, cây bóng mát trên đường phố; cây bóng mát, cây bảo tồn, cây đã được đánh số, treo biển trong công viên, vườn hoa, các khu vực công cộng và các khu vực thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; cây bóng mát có chiều cao từ 10 m trở lên, cây bảo tồn trong khuôn viên của các tổ chức, cá nhân.

Các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị là: chặt hạ ngay do tình thế khẩn cấp, do thiên tai hoặc cây đã chết, đã bị đổ gãy. Trước khi chặt hạ, dịch chuyển phải có biên bản, ảnh chụp hiện trạng và phải báo cáo cơ quan quản lý cây xanh đô thị chậm nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện xong.

Theo Nghị định, Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước về cây xanh đô thị, có trách

nhiệm trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý cây xanh đô thị; hướng dẫn lập, quản lý chi phí duy trì cây xanh sử dụng công cộng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị trên phạm vi toàn quốc. UBND cấp tỉnh thống nhất quản lý cây xanh các đô thị trên địa

bàn tỉnh, phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho UBND cấp huyện về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/7/2010.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Nghị định số 71/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở

Ngày 23/6/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2010/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung về sở hữu nhà ở, phát triển nhà ở, quản lý việc sử dụng nhà ở, giao dịch về nhà ở và quản lý nhà nước về nhà ở quy định tại Luật Nhà ở.

Đối tượng áp dụng của Nghị định bao gồm các tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư phát triển nhà ở tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, sử dụng nhà ở và tham gia giao dịch về nhà ở tại Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước các cấp về lĩnh vực nhà ở; các tổ chức, cá nhân khác có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực nhà ở.

Theo Nghị định này, trước khi đầu tư xây dựng nhà ở (bao gồm cả nhà ở được xây dựng trong khu đô thị mới) chủ đầu tư phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đầu tư (trừ trường hợp phải đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư), tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở, Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trước khi lập dự án phát triển nhà ở, chủ đầu tư phải tổ chức lập và trình UBND cấp có thẩm quyền nơi có dự án phát triển nhà ở phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp nơi có dự án đã có quy

hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được duyệt và chủ đầu tư không có đề xuất điều chỉnh hoặc trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

Dự án phát triển nhà ở phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch điểm dân cư nông thôn, thiết kế đô thị, phù hợp với chương trình phát triển nhà ở trong từng giai đoạn của địa phương và đáp ứng các yêu cầu về phát triển nhà ở quy định tại Luật Nhà ở. Việc thiết kế nhà ở trong dự án phát triển nhà ở phải phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn thiết kế nhà chung cư, nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự. Đối với dự án phát triển khu nhà ở thì phải được xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hệ thống hạ tầng xã hội; đối với dự án phát triển nhà ở độc lập thì phải bảo đảm kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

Về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án, chấp thuận đầu tư đối với dự án phát triển nhà ở, trường hợp xây dựng nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách địa phương thì chủ đầu tư phải tổ chức lập dự án để trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh thẩm định và phê duyệt. Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp huyện thẩm định và phê duyệt dự án phát triển nhà ở có mức vốn đầu tư dưới 30 tỷ đồng. Trường hợp xây dựng nhà ở bằng vốn ngân

sách Trung ương thì đơn vị được giao làm chủ đầu tư phải có văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh nơi có dự án chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở với các nội dung quy định tại Nghị định này trước khi lập dự án, trừ trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.

Đối với dự án phát triển nhà ở (trừ dự án phát triển nhà ở của chủ đầu tư cấp II) được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (không phân biệt quy mô sử dụng đất) thì Chủ đầu tư phải có tờ trình gửi UBND cấp tỉnh để có văn bản chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở; trong trường hợp dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 500 căn nhà (bao gồm nhà biệt thự, nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư) thì chủ đầu tư trình UBND cấp huyện để có văn bản chấp thuận đầu tư, trừ trường hợp thuộc diện đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư. Trường hợp dự án phát triển nhà ở (không phân biệt nguồn vốn đầu tư và quy mô sử dụng đất) có tổng số nhà ở từ 2.500 căn trở lên thì chủ đầu tư có trách nhiệm lập tờ trình đề nghị UBND cấp tỉnh xem xét để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án phát triển nhà ở trước khi lập, thẩm định và phê duyệt dự án.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của chủ đầu tư, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra và có văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về một số nội dung: quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ các loại nhà ở, năng lực của chủ đầu tư và các vấn đề có liên quan thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ này trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Thời gian lấy ý kiến các Bộ tối đa là 20 ngày, kể từ ngày nhận được tờ trình của chủ đầu tư, các Bộ có trách nhiệm trả lời ý kiến của UBND cấp tỉnh trong thời hạn quy định.

Về thực hiện dự án phát triển nhà ở, Nghị định quy định, chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở phải tuân thủ các quy định của Luật Nhà ở, Nghị định này và các quy định của pháp luật về

xây dựng khi thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở.

Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở phải xin Giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng nhà ở và các công trình kiến trúc khác của dự án, trừ trường hợp được miễn Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Đối với dự án phát triển khu nhà ở thì chủ đầu tư phải xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo nội dung dự án đã được phê duyệt. Trong trường hợp phải xây dựng các công trình hạ tầng xã hội theo quyết định phê duyệt dự án hoặc theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì chủ đầu tư phải thực hiện theo đúng nội dung và tiến độ dự án đã được phê duyệt hoặc được chấp thuận đầu tư.

Chủ đầu tư cấp I của dự án phát triển khu nhà ở được quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hạ tầng kỹ thuật cho chủ đầu tư cấp II để xây dựng nhà ở sau khi đã có các công trình hạ tầng kỹ thuật tương ứng với nội dung, tiến độ của dự án và phải tuân thủ nội dung dự án đã được phê duyệt, nội dung chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chủ đầu tư cấp II phải thực hiện xây dựng nhà ở và các công trình kiến trúc khác theo nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với chủ đầu tư cấp I, tuân thủ quy hoạch, kiến trúc, tiến độ của dự án đã được phê duyệt. Trường hợp chủ đầu tư cấp II có hành vi vi phạm về quy hoạch, trật tự xây dựng, nội dung đầu tư trong quá trình thực hiện xây dựng nhà ở và các công trình kiến trúc khác thì chủ đầu tư cấp I có quyền yêu cầu chủ đầu tư cấp II tạm dừng việc xây dựng và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý các hành vi vi phạm.

Trường hợp chủ đầu tư dự án phát triển khu nhà ở, dự án khu đô thị mới (chủ đầu tư cấp I) có nhu cầu huy động vốn để xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối với phần diện tích xây dựng nhà ở và đầu tư xây dựng nhà ở trong khu nhà ở, khu đô thị đó thì chỉ được huy động vốn theo các hình thức sau:

- Ký hợp đồng vay vốn các tổ chức tín dụng, các quỹ đầu tư hoặc phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật để huy động số vốn còn thiếu cho đầu tư xây dựng nhà ở; bên cho vay vốn hoặc bên mua trái phiếu không được quyền ưu tiên mua hoặc ưu tiên đăng ký mua nhà ở;

- Ký hợp đồng góp vốn hoặc hợp đồng hợp tác đầu tư với chủ đầu tư cấp II nhằm mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hạ tầng kỹ thuật cho chủ đầu tư cấp II;

- Ký hợp đồng, văn bản góp vốn hoặc hợp đồng, văn bản hợp tác đầu tư với tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng nhà ở và bên tham gia góp vốn hoặc bên tham gia hợp tác đầu tư chỉ được phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc cổ phiếu) hoặc được phân chia sản phẩm là nhà ở trên cơ sở tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận;

- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh có chức năng kinh doanh bất động sản để đầu tư xây dựng nhà ở và bên tham gia hợp tác kinh doanh chỉ được phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc cổ phiếu) hoặc được phân chia sản phẩm là nhà ở theo thỏa thuận;

- Huy động vốn ứng trước từ tiền mua nhà ứng trước của các đối tượng được quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam thông qua hình thức ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

Các trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận phân chia sản phẩm là nhà ở thì chủ đầu tư được phân chia tối đa cho các hình thức huy động vốn không quá 20% số lượng nhà ở trong mỗi dự án (tính trên tổng số lượng nhà ở thương mại của dự án cấp I hoặc dự án phát triển nhà ở độc lập không phải là dự án cấp II) không phải thông qua sàn giao dịch bất động sản, nhưng phải thông báo cho Sở Xây dựng nơi có dự án phát triển nhà ở để xác nhận theo quy định.

Về quỹ đất dành cho phát triển nhà ở xã hội, Nghị định quy định UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện có trách nhiệm xác định và bố trí quỹ đất để xây dựng nhà ở xã hội khi lập, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, điểm dân cư nông thôn, khu kinh tế, khu

công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn.

Đối với những địa phương có nhu cầu về nhà ở xã hội thì căn cứ vào điều kiện cụ thể, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định yêu cầu chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở lên có trách nhiệm dành 20% diện tích đất xây dựng nhà ở đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các dự án này để xây dựng nhà ở xã hội.

Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội được xây dựng bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước được hưởng các ưu đãi: Được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội đã được phê duyệt; được áp dụng thuế suất ưu đãi thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng; được miễn, giảm và hưởng các ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; được hỗ trợ tín dụng đầu tư từ các nguồn: vay vốn tín dụng ưu đãi hoặc bù lãi suất theo quy định; vay từ Quỹ phát triển nhà ở hoặc Quỹ tiết kiệm nhà ở (nếu có); được UBND cấp tỉnh xem xét hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ lãi vay; được xem xét hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án phát triển nhà ở xã hội; được áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với hợp đồng tư vấn, thi công xây lắp hoặc mua sắm thiết bị...

Đối với doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp nhưng không thu tiền hoặc thu tiền thuê không vượt mức giá cho thuê nhà ở xã hội do UBND cấp tỉnh ban hành và các doanh nghiệp thuê nhà để bố trí cho công nhân ở thì chi phí xây dựng nhà ở hoặc chi phí tiền thuê nhà được tính là chi phí hợp lý trong giá thành sản xuất.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 08/8/2010.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu

Ngày 07/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 819/QĐ-TTg phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu.

Theo Quyết định này, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư các dự án: xây dựng công trình thủy điện Lai Châu công suất 1.200MW, đường giao thông tránh ngập tỉnh lộ 127 và đường đi tránh ngập đoạn Mường Tè - Pắc Ma, lập quy hoạch tổng thể bồi thường di dân, tái định cư; UBND tỉnh Lai Châu làm chủ đầu tư dự án bồi thường di dân, tái định cư Dự án thủy điện Lai Châu.

Mục tiêu đầu tư xây dựng nhằm cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, chống lũ về mùa mưa, cấp nước về mùa khô cho đồng bằng Bắc Bộ, phục vụ phát triển KT-XH tỉnh Lai Châu, tỉnh Điện Biên và cả vùng Tây Bắc.

Công trình thủy điện Lai Châu có diện tích lưu vực 26.000km², mực nước dâng bình thường 295m, dung tích hồ chứa 1.215 triệu m³, điện lượng trung bình nhiều năm 4.670,8 triệu kWh. Địa điểm xây dựng nhà máy tại xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, diện tích sử dụng đất 4.913ha, trong đó vùng mặt bằng công trình 950ha, vùng lòng hồ 3.963ha. Khối lượng công tác chính xây dựng bao gồm: đào đất, đá: 14,852 triệu m³; đắp đất, đá: 2,572 triệu m³; bê tông các loại: 3,604 triệu m³; cốt thép các loại: 49.465,7 tấn; khoan phụt xi măng 82.410m dài; thiết bị công nghệ: 31.833 tấn.

Công trình đầu mối gồm: đập dâng và đập tràn, kết cấu bê tông trọng lực sử dụng công nghệ đầm lăn. Công trình tuyến năng lượng gồm cửa lấy nước, đường ống áp lực và nhà máy thủy điện sau đập kiểu hở, bố trí ở bờ trái.

Các hạng mục công trình chính gồm đập dâng bằng bê tông trọng lực, cao trình đỉnh đập

303m, chiều cao lớn nhất 137m, chiều dài đỉnh đập dâng và đập tràn: 612m; chiều rộng đỉnh đập 12 m; công trình xả lũ gồm xả mặt và xả sâu (kết hợp xả cát) với lưu lượng xả tần suất thiết kế 0,01%:20.730m³/s, lưu lượng xả lũ kiểm tra: 27.452m³/s; 5 khoang xả mặt kích thước 17,5 x 20m, cao trình ngưỡng xả mặt: 275m; 01 khoang xả sâu (kết hợp xả cát) kích thước 5 x 8m; Cửa lấy nước bố trí trước đập không tràn bờ trái gồm 3 khoang tương ứng với 3 tổ máy được chia làm 3 phân đoạn độc lập mỗi phân đoạn dài 31,5m. Cao độ ngưỡng cửa lấy nước 247m, cao độ đỉnh cửa lấy nước bằng cao trình đỉnh đập (303m). Đường ống áp lực bằng thép, kiểu hở, đường kính 10,5m; Nhà máy thủy điện có 3 tổ máy, mỗi tổ công suất 400MW; Trạm phân phối điện: cấp điện áp 500kV, kiểu kín (GIS).

Tổng mức đầu tư của dự án sau thuế là 35.700 tỷ đồng, trong đó chi phí xây dựng 10.650,6 tỷ đồng; chi phí thiết bị: 5.650,4 tỷ đồng; chi phí đền bù đường tránh ngập và bồi thường di dân, tái định cư: 3.345 tỷ đồng; chi phí quản lý dự án 187 tỷ đồng; chi phí tư vấn xây dựng 977 tỷ đồng; chi phí khác: 1.098 tỷ đồng; chi phí dự phòng 4.618 tỷ đồng; lãi vay trong thời gian xây dựng: 5.390 tỷ đồng; các công trình, hạng mục khác 3.874 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có của Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm 20%; vốn vay: vay thương mại trong nước, vay thương mại nước ngoài, vay tín dụng ưu đãi đầu tư.

Dự án sẽ khởi công xây dựng vào cuối năm 2010, phát điện tổ máy thứ nhất vào năm 2016 và hoàn thành công trình vào năm 2017.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia

Ngày 10/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 44/2010/QĐ-TTg về việc miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia.

Theo đó, Thủ tướng Chính phủ quyết định miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất được Nhà nước giao, cho thuê để xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia, bao gồm: diện tích đất xây dựng chỗ dừng xe, bãi đậu xe, trạm điện thoại dự phòng, nhà cung đường, trạm soát vé, nhà điều hành quản lý, trạm bảo dưỡng, sửa chữa xe, nhà vệ sinh. Đối với phần diện tích đất được Nhà nước giao hoặc cho thuê không sử dụng vào mục đích trên thì phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất theo Quyết định này không được phép chuyển nhượng, góp vốn, thế chấp, bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được miễn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Trường hợp không còn nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng đất không đúng mục đích để xây dựng công trình phụ trợ đường cao tốc quốc gia thì bị Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2010.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 14/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp

Ngày 04/6/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 14/2010/TT-BKH hướng dẫn chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi các nội dung đã đăng ký đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký đối với hộ kinh doanh; hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể công ty

trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Theo Thông tư này, người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. Để thực hiện đăng ký qua mạng điện tử, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền truy cập vào Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, điền đầy đủ và chính xác thông tin theo yêu cầu.

Thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia tiếp nhận hồ sơ đăng ký điện tử và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh sẽ xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Doanh nghiệp có thể nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc đăng ký, trả phí để nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ chuyển phát.

Quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được áp dụng đối với các trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung, thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi địa giới hành chính, thông tin và chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp cần gửi Thông báo theo mẫu quy định tại Thông tư này đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh nhận thông báo, trao Giấy biên nhận và thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp. Mỗi lần cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc trường hợp này được coi là một lần thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này doanh nghiệp không phải nộp lệ phí.

Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi Thông báo theo mẫu quy định đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh bổ

sung thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và cập nhật vào Hệ thống. Trường hợp này, doanh nghiệp không phải trả phí.

Về trình tự, thủ tục đăng ký giải thể doanh nghiệp, trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc giải thể doanh nghiệp và thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 139/2007/NĐ-CP của Chính phủ đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh gửi thông báo về việc giải thể doanh nghiệp cho cơ quan thuế, cơ quan công an cấp tỉnh trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ giải thể hợp lệ của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể và xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh nếu cơ quan thuế và cơ quan công an không có yêu cầu khác.

Khi chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp phải gửi Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Kèm theo Thông báo phải có Quyết định của Chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/7/2010.

(Xem toàn văn tại: www.mpi.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG**Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư và xây dựng, huy động và quản lý nguồn vốn tại xã Tân Thông Hội để thực hiện thí điểm chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới**

Ngày 11/6/2010, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 37/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư và xây dựng, huy động và quản lý nguồn vốn tại xã Tân Thông Hội để thực hiện thí điểm chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới.

Quy định này quy định cơ chế đặc thù về thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản các công trình xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống văn hóa xã hội, bảo vệ môi trường và cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn tại xã Tân Thông Hội để thực hiện Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 2010 - 2011 (gọi tắt là Chương trình).

Đối tượng được áp dụng bao gồm các công trình, dự án nằm trong Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn thành phố. Cụ thể: Hệ thống đường giao thông: đường liên xã, đường trục xã, trục ấp, liên gia, đường hẻm và đường trục chính nội đồng; các công trình cầu giao thông nông thôn; hệ thống điện đến hộ gia đình, hệ thống thủy lợi và nâng cấp chợ; Trung tâm Văn hóa xã và các điểm văn hóa ấp, sân vận động xã, các điểm - khu thể thao ấp, tôn tạo các công trình văn hóa lịch sử, trường học các cấp (từ mầm non đến Trung học cơ sở), trạm y tế, điểm bưu điện xã; Hệ thống thoát nước thải khu dân cư, hệ thống

cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến các hộ, hạ tầng khu chăn nuôi, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập trung để chuyển những hộ chăn nuôi quy mô lớn và sản xuất tiểu thủ công nghiệp có ô nhiễm ra khỏi khu dân cư, hạ tầng nghĩa địa; Phát triển cải tạo hệ thống ao, hồ sinh thái kết hợp phát triển kinh tế, trồng cây xanh, phát triển công viên cây xanh công cộng; Các dự án quy hoạch; các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; dự án phát triển “mỗi làng một sản phẩm hàng hóa”; dự án đào tạo về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cơ sở xã, ấp, cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại.

Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã do UBND xã quyết định thành lập là chủ đầu tư các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã. Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, trực thuộc UBND xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc, sử dụng con dấu của UBND xã để giao dịch. Thành phần gồm: Trưởng ban là Chủ tịch UBND xã (hoặc Phó Chủ tịch xã) làm việc kiêm nhiệm; kế toán; các thành viên khác gồm một số cán bộ đại diện các ban ngành trong xã, các Trưởng ấp, các hộ đại diện cho các cộng đồng dân cư trong xã (do các cộng đồng dân cư đề cử).

Căn cứ Đề án xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã chỉ đạo cho Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới với sự giúp đỡ của cán bộ

tư vấn tiến hành xây dựng kế hoạch tổng thể đầu tư cải tạo, nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường. Nội dung kế hoạch tổng thể đầu tư phải đảm bảo phù hợp với Đề án xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới xã và quy hoạch xây dựng nông thôn xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có tính khả thi về kỹ thuật và có khả năng huy động nguồn lực đầu tư, gồm các nội dung cơ bản sau: danh mục các công trình; địa điểm xây dựng; tiêu chuẩn kỹ thuật; thời gian khởi công và hoàn thành; dự toán nhu cầu kinh phí đầu tư; nguồn vốn đầu tư; cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư; phương thức tổ chức thực hiện dự án; phương thức lựa chọn nhà thầu thi công... cho từng công trình/dự án.

Tên cơ sở kế hoạch đầu tư được UBND xã phê duyệt, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án để triển khai thi công năm 2010 và 2011.

Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng tại xã, không phải lập dự án đầu tư, chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Nội dung báo cáo kinh tế kỹ thuật bao gồm: tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư, kèm theo thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.

Chủ đầu tư có thể tự lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán nếu có đủ năng lực và kinh nghiệm; riêng đối với công trình quy mô từ 3 tỷ đồng trở lên hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, việc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Việc lựa chọn đơn vị tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình quy mô từ 3 tỷ đồng trở lên hoặc có yêu cầu kỹ thuật cao thực hiện theo quy định hiện hành.

Trong quá trình lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán các

công trình cơ sở hạ tầng xã, chủ đầu tư (trường hợp tự lập) hoặc đơn vị tư vấn cần bàn bạc với dân, lấy ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư về các nội dung đầu tư cũng như cơ chế huy động nguồn lực đầu tư thực hiện dự án.

UBND huyện là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình có mức vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở lên và các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao; UBND xã là cấp quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình còn lại.

Đối với dự án do huyện quyết định đầu tư, UBND huyện thành lập Ban thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án, thành phần gồm lãnh đạo UBND huyện, các phòng ban chuyên môn của huyện, nếu là công trình có tính chất kỹ thuật chuyên ngành mời thêm kỹ sư chuyên ngành tham gia thẩm định.

Đối với dự án do UBND xã quyết định đầu tư: UBND xã thành lập Tổ thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, với các thành phần gồm: Lãnh đạo UBND xã làm tổ trưởng, đại diện Hội đồng nhân dân xã, Mặt trận tổ quốc, kế toán xã, cán bộ chuyên môn, đại diện người dân có trình độ chuyên môn do cộng đồng lựa chọn. Trong trường hợp cần thiết, xã có thể mời các cán bộ có chuyên môn của huyện tham gia Tổ thẩm định để hỗ trợ, hoặc có thể ký hợp đồng với đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện.

Thời gian thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các công trình thuộc đối tượng do UBND huyện quyết định đầu tư và không quá 7 ngày làm việc đối với các công trình do UBND xã quyết định đầu tư.

Việc chọn nhà thầu xây dựng công trình hạ tầng các xã thí điểm thực hiện theo 3 hình thức: Giao các cộng đồng dân cư ấp (những người trực tiếp hưởng lợi) tự thực hiện xây dựng; Hình thức lựa chọn nhóm thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để xây dựng; Hình thức đấu thầu lựa chọn đơn vị xây dựng theo quy định hiện hành.

Chủ đầu tư tổ chức thực hiện giám sát thi

công và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đối với công trình có yêu cầu kỹ thuật cao cần có đơn vị tư vấn giám sát thi công.

Tất cả các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phải thực hiện giám sát cộng đồng. UBND xã thành lập Ban giám sát cộng đồng dưới sự tham gia của đại diện Hội đồng nhân dân, Mặt trận TQ, các tổ chức xã hội, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi do các áp bầu.

Về cơ chế huy động vốn, mức hỗ trợ của ngân sách Trung ương đối với địa phương cho toàn bộ Đề án thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Ngân sách Trung ương bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm, trong đó có vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường, chương trình văn hóa..., đồng thời ưu tiên bố trí vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.

Ngân sách thành phố bố trí giao kế hoạch chỉ tiêu đầu tư xây dựng hàng năm cho xã thực hiện thí điểm mô hình nông thôn mới thông qua

kế hoạch giao chỉ tiêu vốn phân cấp đầu tư cho UBND huyện.

Xã Tân Thông Hội được để lại 100% nguồn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã nhằm tạo nguồn vốn thực hiện thí điểm mô hình nông thôn mới của xã sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

Huy động nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp đảm bảo nguyên tắc nhà nước và doanh nghiệp cùng có lợi.

Ngân sách thành phố ưu tiên bố trí giao kế hoạch chỉ tiêu đầu tư xây dựng hàng năm cho các chương trình và các công trình thuộc nguồn vốn lồng ghép trên địa bàn xã theo Quyết định phê duyệt đề án nông thôn mới của UBND thành phố.

Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: hochimicity.gov.vn)

Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của "Quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội" ban hành kèm theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND thành phố Hà Nội

Ngày 21/6/2010, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 26/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của "Quy định tạm thời về quản lý đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội" ban hành kèm theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND thành phố Hà Nội.

Theo đó, đối tượng áp dụng bao gồm các tổ

chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia quá trình quản lý và thực hiện đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới, khu nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội sau điều chỉnh địa giới hành chính theo Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 của Quốc hội; các dự án đang triển khai theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UB nhưng chưa có quyết định giao đất. Đối với quỹ đất 20% của các dự án trên, đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sử dụng vào mục đích công cộng và bố

sung vào hệ thống hạ tầng xã hội của khu vực thì không phải hoàn trả thành phố nhưng phải thực hiện đúng chức năng đã được phê duyệt.

Đối với dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở có quy mô sử dụng đất từ 20 ha trở lên, chủ đầu tư phải có vốn đầu tư thuộc sở hữu tham gia vào dự án không nhỏ hơn 20% tổng mức đầu tư dự án. Đối với dự án khu nhà ở có quy mô sử dụng đất dưới 20ha, chủ đầu tư phải có vốn đầu tư thuộc sở hữu tham gia vào dự án không nhỏ hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án.

Tổng mức đầu tư dự án khu đô thị mới được lập theo quy định hiện hành, bao gồm: chi phí tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất; chi phí cho bồi thường giải phóng mặt bằng; hỗ trợ tái định cư (nếu có); chi phí cho xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào (giao thông, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng công cộng, trừ các công trình đi qua khu đô thị mới do nhà nước đầu tư) cho toàn bộ dự án.

Các dự án khu đô thị mới và khu nhà ở thương mại có quy mô sử dụng đất từ 10ha trở lên, khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng phải xác định cụ thể vị trí quỹ đất 20% trong phạm vi dự án để phát triển quỹ nhà phục vụ nhu cầu tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp và các mục đích khác theo yêu cầu của Thành phố.

Đối với dự án khu đô thị mới và khu nhà ở thương mại có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở

lên, theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao lại cho Thành phố 20% diện tích đất xây dựng nhà ở sau khi đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để phát triển quỹ nhà phục vụ nhu cầu tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp và các mục đích khác theo yêu cầu của Thành phố. Khoản chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của diện tích đất này được trừ vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất chủ đầu tư phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trong trường hợp khoản chi phí lớn hơn số tiền sử dụng đất hoặc thuê đất chủ đầu tư phải nộp thì khoản chênh lệch đó sẽ được hoàn trả từ ngân sách Thành phố theo kết quả thẩm định của liên ngành và được UBND Thành phố phê duyệt, ngay sau khi chủ đầu tư bàn giao diện tích đất đã có hạ tầng cho Thành phố.

Đối với diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, dịch vụ công cộng khu đô thị, Thành phố quyết định đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách hoặc xã hội hóa ngay từ khi lựa chọn chủ đầu tư và được xác định cụ thể trong quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định cho phép đầu tư khu đô thị mới, khu nhà ở.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Cẩm nang dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam

Ngày 14/6/2010 Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài KHCN “Cẩm nang dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam” do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Bộ Xây dựng thực hiện. TS. KTS. Nguyễn Đình Toàn là Chủ nhiệm đề tài.

Kiến trúc ra đời gắn liền với quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của dân tộc. Mỗi thời kỳ lịch sử đều có những dấu ấn sáng tạo của các loại hình kiến trúc. Đây là những sản phẩm văn hoá gắn liền với cuộc sống tinh thần và vật chất của nhân dân ta từ bao đời nay.

Kiến trúc truyền thống Việt Nam với các đặc trưng mang tính dân tộc, tính địa phương phong phú và có bản sắc riêng. Phong cách kiến trúc giản dị, khiêm tốn nhẹ nhàng, khoáng đạt phù hợp phong tục tập quán dân tộc và khí hậu nhiệt đới Việt Nam.

Lịch sử là sự kế thừa, kiến trúc không nằm ngoài quy luật đó. Kế thừa tinh hoa kiến trúc truyền thống sẽ chắp cánh cho kiến trúc Việt Nam hiện tại và tương lai. Công cuộc tìm hiểu, học hỏi kiến trúc truyền thống thông qua tư liệu, hiện vật cụ thể, nhân chứng luôn là công việc không dễ dàng của những ai muốn ngược dòng thời gian tìm về cội nguồn dân tộc.

Đề tài “Cẩm nang dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam” nghiên cứu một cách có hệ thống dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam với các loại hình kiến trúc ở các vùng miền khác nhau, trong quá trình hình thành và phát triển của nó với mong muốn giúp người đọc nhận diện bản sắc riêng trong phong cách kiến trúc của từng địa phương. Sự ảnh hưởng của yếu tố con người, văn hoá lịch sử tôn giáo, điều kiện tự nhiên đối với việc hình thành và biến đổi của các loại hình kiến trúc. Qua đó rút ra bài học bổ ích cho công tác nghiên cứu, đào tạo, thiết kế công trình kiến trúc và quy

hoạch đô thị. Những vốn liếng kiến trúc truyền thống mà chúng ta có được sẽ là động lực cho sự phát triển các kiến trúc ngày nay.

Các thể loại công trình được nghiên cứu bao gồm: Kiến trúc làng, nhà ở dân gian truyền thống; các công trình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng (chùa, tháp, đình, đền, miếu, phủ,...);

Đề tài cũng giới hạn việc nghiên cứu tập trung vào các công trình tôn giáo tín ngưỡng, dân gian trong các thời kỳ Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Tây Sơn, Nguyễn,... gắn với cuộc sống đương thời của người Việt, người Hoa, người Khmer, người Chăm,...

Việc nghiên cứu được thực hiện đối với các vùng miền ở Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên.

Nhóm đề tài đã tiến hành đánh giá những ảnh hưởng khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng; các giai đoạn lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội; sự ảnh hưởng của các dòng tôn giáo tới kiến trúc của các vùng miền trong cả nước; nghiên cứu kiến trúc làng và nhà ở dân gian truyền thống, các loại hình kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng, kiến trúc nhà ở đồng bào dân tộc; đối với vùng Bắc Bộ và Trung Bộ nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu thêm về kiến trúc thành lũy và các đô thị cổ.

Sản phẩm của đề tài là hệ thống dữ liệu về kiến trúc làng, nhà ở dân gian truyền thống; kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng (chùa, tháp, đình, đền, miếu, phủ,...) của vùng Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên.

Hệ thống dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam được trình bày bao gồm 4 phần: Phần A: Kiến trúc vùng Bắc Bộ; Phần B: Kiến trúc vùng Trung Bộ; Phần C: Kiến trúc vùng Nam Bộ; Phần D: Kiến trúc vùng Tây Nguyên;

Mỗi phần được chia ra các chương giới thiệu

về điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hoá, con người; kiến trúc làng và nhà ở dân gian truyền thống; các loại hình tôn giáo tín ngưỡng; kiến trúc thành lũy, đô thị cổ; kiến trúc nhà ở các dân tộc của vùng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiến trúc truyền thống Việt Nam được hình thành và phát triển qua các thời kỳ, có sự phong phú, đa dạng phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, văn hoá của từng dân tộc và các vùng miền khác nhau. Nó luôn chịu ảnh hưởng của các luồng văn hoá, thể hiện qua cấu trúc công trình, kỹ thuật xây dựng, sử dụng vật liệu,....

"Cẩm nang dữ liệu lịch sử kiến trúc Việt Nam" cho thấy bản sắc riêng trong phong cách kiến trúc của từng vùng miền trên đất nước Việt Nam, giúp khai thác xoá bỏ những tập tục lạc hậu giữ lại những vốn truyền thống kiến trúc văn hoá tốt đẹp; kế thừa phát huy phù hợp kiến trúc hiện đại; tiếp nhận những tinh hoa của kiến trúc thế giới. Đây là một lĩnh vực có tính chiến

lược không thể thiếu được trong hoạt động kiến trúc xây dựng của mỗi quốc gia.

Đề tài đã bước đầu tập hợp những nét căn bản về các loại hình kiến trúc truyền thống Việt Nam. Đề tài sẽ tiếp tục được bổ sung bởi nguồn tư liệu và thực tế kiến trúc Việt Nam vốn phong phú, chưa sử dụng hết.

Phát biểu kết luận tại cuộc họp nghiệm thu, TS. Nguyễn Trung Hoà - Chủ tịch Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng cho rằng đề tài là công trình nghiên cứu công phu, thu thập được các dữ liệu có tính hấp dẫn cao, đề nghị nhóm đề tài trên cơ sở các ý kiến phản biện, đóng góp của Hội đồng tiến hành chỉnh sửa, bổ sung để có thể xuất bản thành sách phục vụ công tác đào tạo, tham khảo phát huy bản sắc kiến trúc Việt Nam.

Các kết quả của Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại Khá.

Huỳnh Phước

Chương trình bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo Sở theo tiêu chuẩn lãnh đạo do Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ ban hành

Ngày 18/6/2010 tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài "Xây dựng Chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo Sở theo tiêu chuẩn lãnh đạo do Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ ban hành" thuộc nhiệm vụ KHCN và Môi trường RD22-09 do Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (AMC) thực hiện.

Theo báo cáo thuyết minh đề tài do ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện AMC trình bày, qua khảo sát thực tiễn cho thấy, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng cho đội ngũ lãnh đạo chính quyền đô thị các cấp, lãnh đạo các Sở là rất cần thiết. Thực hiện nhiệm vụ do Bộ Xây dựng giao, Học viện đã tiến hành nghiên cứu xây dựng chương trình bồi

dưỡng kiến thức và kỹ năng quản lý nhà nước về xây dựng của cán bộ lãnh đạo cấp Sở. Dự thảo chương trình lần I, lần II đã được nhiều lần hội thảo lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, lãnh đạo các Sở Xây dựng, Sở Kiến trúc quy hoạch để hoàn thiện chương trình và trình Bộ Xây dựng nghiệm thu.

Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước cho lãnh đạo cấp Sở được áp dụng cho các đối tượng là giám đốc, phó giám đốc các Sở Xây dựng, Sở Kiến trúc quy hoạch các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các cán bộ kế cận các chức danh nói trên. Yêu cầu của chương trình là sau khi kết thúc khóa học, các học viên sẽ nắm được một cách khái quát và có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động xây dựng, nâng

cao kỹ năng quản lý nhà nước để về xây dựng trên địa bàn, thuộc các lĩnh vực xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, phát triển đô thị, nhà ở và công sở, kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng...

Theo góp ý của các thành viên Hội đồng, chương trình bồi dưỡng cần hết sức linh hoạt, áp dụng riêng cho đội ngũ lãnh đạo đã được đào tạo chuyên ngành Xây dựng và đội ngũ lãnh đạo chưa có chuyên môn về xây dựng, trong chương trình cần tăng cường các tiết học

thảo luận về những kinh nghiệm, vướng mắc trong thực tế quản lý nhà nước về xây dựng của các địa phương.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng đề nghị Học viện tiếp thu các ý kiến góp ý, bổ sung giải trình rõ thêm về nội dung của chương trình áp dụng cho mỗi loại đối tượng, hoàn chỉnh chương trình để trình Bộ Xây dựng ban hành.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Quy hoạch cấp nước, thoát nước và khu xử lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Ngày 16/6/2010, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Quy hoạch cấp nước, thoát nước và khu xử lý chất thải rắn Vùng Kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long do Phân Viện Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Miền Nam - Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị - Nông thôn (Bộ Xây dựng) lập. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Hội Quy hoạch và Phát triển Đô thị, Hội Cấp thoát nước Việt Nam, Hội Môi trường Việt Nam, các chuyên gia trong lĩnh vực cấp thoát nước và môi trường. TS. Nguyễn Hồng Tiến- Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng đã chủ trì Hội nghị.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, TS. Nguyễn Hồng Tiến cho biết, Bộ Xây dựng được Chính phủ giao chủ trì thực hiện lập 03 quy hoạch: Quy hoạch cấp nước, Quy hoạch thoát nước, Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn cho vùng kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và đã giao cho Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị - Nông thôn Bộ Xây dựng làm đơn vị tư

vấn lập quy hoạch. Việc lập các quy hoạch này có những thuận lợi nhất định, đó là dựa trên cơ sở các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch xây dựng Vùng đồng bằng sông Cửu Long, Định hướng phát triển cấp thoát nước ...Bộ Xây dựng đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với 4 địa phương trong phạm vi nghiên cứu của các đồ án quy hoạch, bao gồm Cà Mau, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ; đồng thời cũng lấy ý kiến tham gia của các Bộ ngành Trung ương. Về cơ bản, các văn bản đóng góp ý kiến đều ủng hộ và đồng tình với đề xuất của đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Tư vấn lập quy hoạch đã báo cáo trước Hội đồng thẩm định nội dung cơ bản của các đồ án.

Pạm vi nghiên cứu lập quy hoạch cấp nước, thoát nước và khu xử lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Vùng Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính của thành phố Cần Thơ và ba tỉnh: An Giang, Kiên Giang, Cà Mau với tổng diện tích tự nhiên 16.617km². Dự báo dân số toàn vùng đến năm 2020 là 20-21 triệu dân, trong đó dân số đô thị từ 7 - 7,5 triệu người, tỷ lệ đô thị hóa 33 - 35%, quy mô đất đô thị 100-110.000ha.

Theo nghiên cứu của tư vấn, hiện trạng năng lực cấp nước của vùng đạt 0,65-0,7 triệu m³/ngày, cấp được cho 60-70% dân số đô thị, 30-50% các khu công nghiệp, chưa có công trình cấp nước cấp vùng. Chương trình nước sạch nông thôn đã cấp được cho 66% dân số nông thôn, cao hơn tỷ lệ bình quân của cả nước (62%). Nguồn cấp nước sử dụng nước mặt và nước ngầm nhưng chủ yếu là nước mặt, chỉ riêng Cà Mau sử dụng nước ngầm.

Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long thuận lợi đối với việc cấp nước do có nhiều sông, kênh, rạch, lượng mưa khá dồi dào, nước ngầm phân bố trên toàn vùng với nhiều tầng nước có chất lượng nước tương đối tốt. Tuy nhiên vùng này cũng có những khó khăn do địa hình thấp, chịu ảnh hưởng của thủy triều và hiện tượng xâm thực mặn.

Theo đề xuất của tư vấn trong định hướng quy hoạch cấp nước vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong giai đoạn 2010 - 2015 sẽ tiếp tục xây dựng các dự án đã được duyệt, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, tập trung mở rộng mạng lưới cấp nước tại các đô thị. Giai đoạn 2015 - 2020 xây dựng nhà máy nước Sông Hậu 1 công suất 0,5 triệu m³/ngày và Sông Hậu 2 công suất 1 triệu m³/ngày. Sau năm 2020 sẽ tiếp tục hoàn chỉnh theo công suất hệ thống cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đối với khu vực nông thôn sẽ áp dụng cấp nước tập trung (cho các thị tứ, điểm dân cư, các trung tâm xã có phạm vi phục vụ từ 1000 - 3000 người) và cấp nước phân tán.

Về định hướng thoát nước cho vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, trong quy hoạch đã nghiên cứu thực trạng hệ thống thoát nước của các địa phương trong phạm vi lập quy hoạch và đề xuất kết hợp thoát nước với quy hoạch thủy lợi của vùng và các tỉnh, quy hoạch thoát lũ, tận dụng hệ thống kênh, rạch, sông ngòi tự nhiên trong khu vực, giải pháp tôn nền vượt lũ đối với khu vực thường xuyên ngập lụt. Định hướng đến năm 2015 sẽ

xây dựng hệ thống thoát nước riêng đối với các khu đô thị mới, cải tạo hệ thống thoát nước chung của các khu đô thị hiện hữu và triển khai các dự án thoát nước đô thị đã được duyệt. Đến năm 2020 sẽ từng bước tách thành hệ thống thoát nước riêng cho các đô thị hiện hữu.

Theo nghiên cứu của tư vấn, tổng lượng chất thải rắn phát sinh trong vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay khoảng 810 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt 660 tấn/ngày, rác thải công nghiệp 150 tấn/ngày, rác thải y tế 2 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trong khu vực mới đạt 40-60%. Phương pháp xử lý chất thải rắn hiện nay phổ biến là chôn lấp, chưa hợp vệ sinh, chất thải công nghiệp do các khu công nghiệp tự thu gom và đổ chung với chất thải rắn sinh hoạt, riêng rác thải y tế đã được đốt trong các lò đốt của bệnh viện. Theo đề xuất của tư vấn, quan điểm quy hoạch chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm phải tuân thủ định hướng quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long, ngăn ngừa và giảm thiểu chất thải rắn từ nguồn, tăng cường thu hồi và tái chế, tái sử dụng. Từ nay đến năm 2015 sẽ xây dựng khu xử lý chất thải rắn theo điều kiện từng địa phương cấp vùng huyện, đến 2020 xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn vùng tỉnh, sử dụng công nghệ xử lý tổng hợp, hợp vệ sinh, phấn đấu tỷ lệ chôn lấp đạt 15%.

Sau khi nghe báo cáo của tư vấn và ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định, văn bản phản biện của các chuyên gia, TS. Nguyễn Hồng Tiến đã kết luận yêu cầu tư vấn nghiên cứu tiếp thu các ý kiến góp ý để bổ sung vào hồ sơ, rà soát các tiêu chuẩn, quy chuẩn, xác định suất đầu tư, tổng mức đầu tư, phân kỳ đầu tư cũng như đề xuất các cơ chế tạo điều kiện cho việc xã hội hóa trong việc thực hiện các dự án theo quy hoạch trình Bộ Xây dựng để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010

Ngày 18/6/2010 Hội Cơ học đất và địa kỹ thuật công trình Việt Nam (Hội CHĐ & ĐKTCTVN) đã phối hợp với Viện Địa kỹ thuật Việt Nam (Viện ĐKTVN) tổ chức Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010. Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng GS.TS. Nguyễn Mạnh Kiểm - Chủ tịch Hội đồng Đăng bạ kỹ sư chuyên nghiệp Việt Nam đã đến dự và phát biểu khai mạc.

Tham dự Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010 có ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng Hội xây dựng Việt Nam, GS.TS. Nguyễn Trường Tiến - Chủ tịch Hội CHĐ&ĐKTCTVN, đại diện các Hội và Hiệp hội nghề nghiệp, các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp cùng các đại biểu, các chuyên gia và nhà nghiên cứu trong lĩnh vực CHĐ, ĐKTCT đến từ Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Italia, ...

Năm nay diễn ra sự kiện kỷ niệm 30 năm thành lập Hội CHĐ&ĐKTCTVN, 25 năm Hội là thành viên chính thức của Hội CHĐ&ĐKTCT quốc tế (ISMGE). Hội CHĐ&ĐKTCTVN là tổ chức nghề nghiệp, xã hội dân sự, là thành viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam (VFCEA). Năm nay cũng là năm kỷ niệm 15 năm thành lập Viện ĐKTVN (18/6/1995-18/6/2010), 14 năm thành lập Tạp chí ĐKTVN. Viện ĐKTVN và Tạp chí ĐKTVN là các tổ chức thành viên của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Trong 30 năm qua, Hội CHĐ&ĐKTCTVN và các hội viên đã có nhiều đóng góp xứng đáng cho sự phát triển chuyên ngành CHĐ&ĐKTCT, đưa chuyên ngành CHĐ&ĐKTCTVN ngang tầm của khu vực và quốc tế. Hội và các hội viên đã nhận được sự giúp đỡ hào hiệp, không vụ lợi của nhiều bạn bè, tổ chức, đồng nghiệp trong và ngoài nước, là các chuyên gia ĐKT hàng đầu thế giới đến từ Thụy Điển, Canada, Nhật, Mỹ, Úc, ASEAN, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Pháp, Đức, Anh, Mỹ, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan, Cu Ba, Ấn Độ và của nhiều chuyên



GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm - Chủ tịch Hội đồng đăng bạ kỹ sư chuyên nghiệp Việt Nam phát biểu khai mạc

gia Việt Nam đang công tác và học tập ở nước ngoài. Từ năm 1990, nhiều đồng nghiệp và cty ĐKT quốc tế đã đến làm việc tại Việt Nam. Các kỹ thuật, công nghệ, thiết bị, vật liệu, kinh nghiệm ĐKT tốt nhất của thế giới đã có cơ hội áp dụng vào các công trình, các dự án của Việt Nam, mang lại các hiệu quả thiết thực và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao.

"Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010" được tổ chức nhằm tổng kết các thành tựu, các bài học kinh nghiệm, ghi nhận công lao đóng góp cho chuyên ngành ĐKT, từ tầm nhìn đến hành động thực tiễn để tiếp tục phát triển chuyên ngành ĐKT của Việt Nam trong những thập kỷ tới. Chương trình của "Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010" bao gồm:

- Hội thảo quốc tế CHĐ&ĐKTCT với sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành của Việt Nam, Thụy Điển, Canada, Nhật, Malaysia...

- Triển lãm kỹ thuật về chuyên ngành ĐKT, giới thiệu các kỹ thuật, công nghệ, vật liệu, sản phẩm, dịch vụ, dự án, thành tựu về CHĐ và ĐKT. Quảng bá thương hiệu và tiếp thị.

- Kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Viện ĐKTVN và 14 năm Tạp chí ĐKTVN.

- Đại hội Hội CHĐ&ĐKTCTVN lần thứ 2, nhiệm kỳ 2010-2015 "Từ tầm nhìn đến hành động phát triển địa kỹ thuật Việt Nam".



Chủ tịch đoàn Đại hội lần thứ II Hội Cơ học đất và địa kỹ thuật công trình Việt Nam

- Ra mắt Câu lạc bộ ĐKT (Geotechnical Club).

Nhu cầu về kỹ sư ĐKT và ĐKT môi trường có chất lượng cao ở nước ta hiện đang ở mức cao chưa từng có. Nhu cầu này sẽ còn tăng hơn nữa cùng với công cuộc công nghiệp hoá trong một vài thập kỷ tới. Thế hệ kỹ sư ĐKT tương lai của Việt Nam sẽ phải đối mặt với những thách thức cực kỳ khó khăn và nghĩa vụ của Hội CHĐ & ĐKTCT hiện nay là phải chuẩn bị cho họ một hành trang kiến thức và kinh nghiệm phong phú nhằm sẵn sàng đương đầu với những thách thức trong tương lai.

Trong 30 năm tới kỹ sư ĐKT Việt Nam sẽ góp phần quan trọng trong các hoạt động như:

- Giảm nhẹ các ảnh hưởng đến môi trường sống do hậu quả của việc mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Những vấn đề liên quan đến sự ô nhiễm của đất, nước, không khí cũng như ảnh hưởng của rác thải hạt nhân cần được xử lý bằng các phương pháp có tính bền vững và thân thiện với môi trường, trong đó việc tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước tự nhiên luôn cần phải được ưu tiên hàng đầu.

- Đưa ra các phương án tiết kiệm và ít ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình quy hoạch và lập dự án đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, đô thị và hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Giải quyết các vấn đề do thiên tai gây ra trên diện rộng như trượt lở đất, bão lụt, nước biển dâng hoặc các thảm họa do biến đổi khí hậu.

- Xây dựng công trình ở thêm lục địa, ven biển cũng như tham gia công cuộc lấn biển. Trong thời gian tới nước ta sẽ phải đối mặt với tình trạng lún sụt thêm lục địa do khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

- Soạn thảo và chỉnh sửa các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy phạm thiết kế của ngành đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng công tác tư vấn thiết kế.

- Đối mặt với những thách thức liên quan đến sự mở rộng của các khu đô thị đặc biệt là những vấn đề trong thiết kế và thi công công trình ngầm đô thị.

Phát biểu khai mạc Ngày Địa kỹ thuật Việt Nam 2010, GS. TS. Nguyễn Mạnh Kiểm cho rằng để chuẩn bị hành trang kiến thức và kinh nghiệm cho thế hệ kỹ sư ĐKT tương lai của đất nước giúp họ đáp ứng được vai trò và nhiệm vụ của mình, Hội CHĐ&ĐKTCTVN và Viện ĐKTVN cần tập trung vào những vấn đề chính sau:

- Tập trung bồi dưỡng và huấn luyện một thế hệ lãnh đạo tương lai cho Hội, trong đó cần tập trung vào lực lượng kỹ sư trẻ có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và hoài bão để có định hướng sự phát triển của cộng đồng ĐKT đồng thời có thể đứng ra làm đại diện cung cấp các ý kiến chuyên môn cho các cơ quan quản lý nhà nước;

- Nâng cao chất lượng kỹ sư phải được xem là yếu tố quan trọng hàng đầu cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước, cần tập trung đầu tư nhiều hơn cho công tác giáo dục, huấn luyện chuyên môn, đào tạo liên tục từ xa, đặng bạ và tiêu chuẩn hoá kỹ sư, đồng thời nâng cao đạo đức nghề nghiệp cho người kỹ sư.

- Thu hút sự hỗ trợ và giúp đỡ của bạn bè và đồng nghiệp trên thế giới thông qua các chương trình hợp tác trong đó các yếu tố đặc thù của địa phương, nhu cầu, định hướng và các hạn chế cần được cân nhắc và xem xét kỹ; ứng dụng mô hình hợp tác giữa các cơ quan thực hành và các tổ chức nghiên cứu dựa trên sự định hướng và quản lý của nhà nước; phát huy

các bài học kinh nghiệm tích lũy được trong 50 năm qua để tìm ra hướng đi mới và mở ra những cơ hội mới trong quá trình tìm kiếm hợp tác quốc tế theo mô hình hai bên cùng có lợi. Để làm được điều đó cần những ý tưởng mới, những sáng tạo mới đồng thời phải biết thay đổi và thích nghi với một thế giới đang không ngừng vận động.

Tại Hội thảo quốc tế các đại biểu đã nghe các báo cáo và thông báo về ĐKT, cùng nhau trao đổi các kết quả nghiên cứu lý thuyết, thực nghiệm về CHĐ&ĐKTCT và các đề xuất về áp dụng các giải pháp trong phân tích ĐKT các loại đất, xác định sức chịu tải của cọc, các phương pháp hiệu quả gia cố nền đất yếu, các

giải pháp móng cọc mới, kinh nghiệm xây dựng công trình trên nền đất yếu ở một số nước trong khu vực,....

Trong Ngày địa kỹ thuật Việt Nam 2010 đã diễn ra Đại hội Hội CHĐ&ĐKTCTVN lần thứ 2. Các đại biểu đã nghe và thảo luận báo cáo hoạt động của Hội giai đoạn 2005 - 2010 và phương hướng hoạt động cho giai đoạn 2010 - 2015. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Hội nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 24 thành viên do GS. TS. Nguyễn Trường Tiến làm Chủ tịch. Cùng ngày, Câu lạc bộ Địa kỹ thuật cũng đã tổ chức lễ ra mắt.

Huỳnh Phước

Tối ưu hóa tiêu hao năng lượng trong hệ thống quản lý năng lượng của Nhà máy xi măng Holcim GmbH ở Dotternhausen, Đức

Mở đầu

Tiêu hao năng lượng đóng vai trò quyết định trong việc nỗ lực cắt giảm chi phí sản xuất. Khả năng tiết kiệm đáng kể có thể đạt được, đặc biệt khi tất cả năng lượng sử dụng trong một cơ sở được trình bày một cách rõ ràng cho việc áp dụng các giải pháp tối ưu hóa. Một hệ thống kiểm tra năng lượng đổi mới do Siemens Industrial Technologies chào hàng, đang góp phần quan trọng trong việc giảm các chi phí.

Do giá năng lượng ngày càng tăng khiến cho các giám đốc sản xuất đang chịu áp lực phải xác định được các công đoạn nào có thể tiết kiệm được năng lượng, công đoạn nào làm thất thoát năng lượng. Đồng thời, họ cũng phải làm quen với những yêu cầu ngày một tăng lên đối với việc cung cấp liên tục các sản phẩm và thực hiện quá trình sản xuất liên tục. Holcim(Nam nước Đức) GmbH ở Ditternhausen đang phải đối mặt với thách thức trong việc sử dụng năng lượng. Công ty này có 17 nhà máy ở miền Nam nước Đức. Đặc biệt là công ty sử dụng đá dầu khai thác được ở địa phương, nó được nung và sử dụng

như một nguyên liệu tạo ra các thành phần kết dính, trong khi đó lượng nhiệt thoát ra trong quá trình đó được chuyển thành điện năng bởi một nhà máy điện ngay tại chỗ. Ngoài ra, đá dầu được sử dụng ở dạng tự nhiên như một loại nhiên liệu và cũng sản xuất ra clinke trong lò quay. Điện phát ra được sử dụng cho nhà máy cũng như cho các cộng đồng xung quanh. Như vậy là Holcim đang góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường bằng cách tận dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên của nó.

Kiểm soát phân bố và sử dụng năng lượng

Nhằm tối ưu hoá sử dụng năng lượng, Holcim đã uỷ quyền cho Siemens trong mùa thu 2008 thay thế hệ thống năng lượng hiện có tại cơ sở của nó ở Dotternhausen bằng một hệ thống mới hiệu quả cao hơn. Yêu cầu này là sự tích hợp thay đổi toàn diện một cách nhanh chóng hệ thống tải hiện có. Hơn nữa, cơ sở này phải được vận hành từ một trung tâm điều khiển độc lập và cung cấp các số liệu đánh giá từ các vị trí làm việc đa chức năng trong văn phòng. Ngoài ra, hệ thống được lắp đặt có khả năng xuất mức sử

dụng năng lượng hàng ngày và phân bố dữ liệu cho nhà cung cấp bên ngoài cho hoạt động xa hơn. Một hệ thống tối ưu đã nhanh chóng được định hình: Một hệ thống kiểm soát năng lượng (ECS) được cung cấp từ Siemens Industrial Technologies.

Hệ thống ECS trên cơ sở giải pháp của Siemens đã được phát triển cho công nghiệp xi măng, quan tâm chủ yếu tới sự phân bố và tiêu thụ điện năng, sử dụng các số liệu tải điện tương ứng hoặc các nhóm tải, và lưu trữ các số liệu cho việc phân tích sau này. Một dải phổ rộng dữ liệu đo có thể được xử lý. Nhờ mốc thời gian được tích hợp, nên có thể phân tích vấn đề một cách nhanh chóng và chính xác. Những phân tích gồm các xu hướng và các báo cáo về năng lượng chỉ ra thời gian hoạt động sản xuất của máy dài bao lâu và bao nhiêu năng lượng đã được sử dụng. Việc so sánh các phân tích này cung cấp những chi tiết về hiệu quả sản xuất, trạng thái bảo trì, độ mòn tổng thể và độ mòn của công cụ và những khuyết tật của máy không được ghi lại chi tiết. Ngoài ra, việc cho phép kiểm soát chi phí càng tăng thêm tính minh bạch chi phí và giúp tăng cường sử dụng năng lượng dư thừa, không chỉ năng lượng mà việc sử dụng nước, gas và không khí nén đều được ghi và xử lý. Kết quả dự báo công suất hàng ngày và hàng tuần làm cơ sở cho việc ký kết các hợp đồng mua năng lượng tương lai.

Quy định về chi phí năng lượng

Những giao diện thông tin liên lạc trong ECS dựa trên tiêu chuẩn thuộc hệ thống tự động hoá của Siemens - Simatic S7. Các bộ cảm biến hiện có, các đồng hồ điện, và các hệ thống điều khiển quá trình cấp cao (Simatic WinCC hay Simatic PCS 7) có thể được kết nối. Phần cơ bản của ECS là cụm kiểm soát tiêu thụ. Bằng cách khai thác một danh sách các bộ phận tiêu thụ được đóng mạch với sự cho phép ưu tiên (danh sách ưu tiên) trong phạm vi của một khu vực làm thủ, xác định được những đơn vị tiêu thụ nào cần đóng mạch hoặc ngắt mạch nhằm thực hiện

được hợp đồng cung cấp điện. Bằng cách đó tối thiểu hoá hoặc tối đa hoá số lần đóng ngắt điện hoặc quá trình khoá có liên quan. Điều đó có thể kiểm soát được nhu cầu về các điểm pic chi phí mà không gây ảnh hưởng tới quá trình sản xuất. Nếu hoạt động đóng mạch theo kế hoạch vạch ra không thực hiện được, thí dụ như khi tất cả mọi khả năng của dự án đều bị cạn kiệt, thì sẽ được ghi và thông báo vào hệ thống tín hiệu của ECS. Phụ thuộc vào kiểu vận hành kiểm tra nạp tải, điều đó có thể dẫn tới làm tăng giới hạn về tự động hoá đối với thời gian còn lại trong giai đoạn tính toán cho trước.

Vận hành hệ thống kiểm soát năng lượng

Mục tiêu của Siemens đối với Holcim GmbH (nam Đức) gồm có cơ sở ECS và hệ thống quản lý nạp tải, kênh điều khiển đối với mỗi bộ phận, xuất dữ liệu tới PC (máy tính) ở xa, ngắt tải nhanh, cũng như kỹ thuật phần cứng và phần mềm. Máy chủ ECS được đóng điện và kết nối với máy chủ Windows 2003 của Microsoft hiện có và một hệ ECS khách hàng cũng đã được lắp đặt vào phòng máy tính PC. Trong trung tâm điều khiển, máy chủ ECS hoạt động thông qua kết nối desktop từ xa. Thiết bị điều khiển S7-400-PLC chạy phần mềm ECS-S7, được nối với máy chủ ECS. Các chức năng quan trọng là quản lý nạp và ngắt điện. Trong trường hợp máy chủ bị sự cố, thì phần mềm sẽ hoạt động hoàn toàn tự động và lưu giữ dữ liệu đo tới 5 ngày. Ngoài ra, giao diện giữa phần mềm ECS-S7 và hệ thống vận hành và quan sát hoạt động đã được thực hiện. Trong trường hợp máy chủ bị sự cố, các qui trình vận hành cơ bản có thể được đưa ra ngoài thông qua kết nối TCP/IP.

Ngắt điện nhanh đã được di chuyển từ hệ Simatic S5 sang hệ ECS. Các chức năng như thu thập dữ liệu, lưu trữ và sử dụng dữ liệu được kiểm tra một cách độc lập từ khả năng của các hệ siêu áp đặt dựa trên hệ Simatic S7. Dự báo có tới 5 sự kiện ngắt điện đối với một loạt các đơn vị có thể xảy ra.

Nếu nhà máy xi măng tách rời khỏi mạng lưới

điện công cộng trong khi nó phải nhập năng lượng, có một lượng điện nhất định được ngắt bởi vậy các máy phát không bị quá tải. Trong trường hợp tách rời, điện thế và tần số bị giảm hoặc máy phát quá tải dẫn đến phải thực hiện một danh sách ngắt điện nhanh. Khi chuyển sang hệ thống tách rời này, modul quản lý tải điện ECS một cách tự động kích hoạt lại và nhờ đó chuyển về chế độ bình thường. Để tối ưu hoá chi phí, việc quản lý tải điện ECS cũng theo dõi việc nhập điện căn cứ vào các giá trị thông số ngưỡng. Thí dụ như, nếu quy định vượt tải trong vòng 15 phút, thì các tải điện được kiểm soát theo chu kỳ, như các máy nghiền xi măng, các máy đập, lò quay hay bộ đỡ được ngắt điện. Sau khi các máy nghiền xi măng được xác nhận là đã ngắt điện, thì máy phát được chạy trước khi các thiết bị cần thiết khác ngắt mạch.

Siemens cũng có trách nhiệm đối với việc đào tạo khách hàng về lắp đặt và vận hành chạy thử các bộ phận được cung cấp.

Quản lý năng lượng bền vững

Với hệ ECS có khả năng xác định được các giá trị đo nhìn thấy được. Với sự trợ giúp của đường cong hay danh mục trên bàn phím, các giá trị đo nhìn thấy có thể được sử dụng để dự báo tiêu thụ điện năng cũng như về sự cung cấp và phân phối năng lượng giữa Holcim và năng lượng cung cấp cho cộng đồng. Bằng việc sử dụng hệ ECS, Holcim có thể dễ dàng phân tích và tối ưu hoá tiêu thụ năng lượng của nó và

đánh giá được việc tiêu thụ dựa vào các thông số tương ứng. Những quy định theo hợp đồng có thể đạt được bằng các hành động ngắt tải riêng và lượng điện được bán có thể được tối ưu hoá. Kết quả là những lần ngắt điện của khách hàng tiêu thụ đã được giảm đi bởi bên thứ ba. Hoạt động khẩn cấp (cấp cứu) được bảo đảm thông qua hệ In Touch, hoạt động bên ngoài và hệ thống theo dõi.

Để duy trì được các kết quả trên và liên tục cải thiện việc tiêu thụ năng lượng tại Holcim, hiệu suất năng lượng sẽ trở thành một phần của thực tế hoạt động hàng ngày. Chỉ như vậy sau đó mới đạt được các kết quả bền vững theo ý muốn. Nếu mục tiêu cần thiết là kiểm tra các luồng điện bên trong của công ty, việc mua, phân phối và tiêu thụ trong cơ cấu quy định, thì sau đó các đơn vị tiêu thụ cần phải kết nối các đồng hồ và nối với trung tâm chi phí. Quản lý năng lượng thành công không phụ thuộc vào các biện pháp cải thiện hình thức bên ngoài và sự lắp đặt nhanh các bộ phận và các phương tiện thực hiện tiết kiệm năng lượng trong một thời gian ngắn. Hữu hiệu hơn cả là cần tính đến các yếu tố kỹ thuật và kinh tế của toàn bộ chu trình sống của một nhà máy. Bằng cách đó, có thể khắc phục được những chi phí trung và dài hạn không mong muốn.

ND: Đinh Bá Lô

Theo "World Cement" tháng 4/2010

Phát điện nhiệt thải ở Trung Quốc

Công nghiệp Xi măng Trung Quốc đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển công nghệ tận dụng nhiệt thải để phát điện. Đất nước này sản xuất ra 1,65 tỷ tấn xi măng năm 2009, chiếm hơn 50% sản lượng xi măng thế giới. Một mặt, ngành công nghiệp này đang tăng cường cơ cấu lại thông qua việc sáp nhập, giải thể và xoá bỏ công nghệ lạc hậu. Mặt khác, tích cực áp dụng các chính sách nhằm giảm tiêu hao năng lượng, cải thiện việc tận dụng chất thải, và bảo vệ các

khu bảo tồn địa chất và môi trường bằng cách xây dựng các trạm phát điện nhiệt thải.

Phát điện nhiệt thải là lĩnh vực then chốt đối với sản xuất xi măng ở Trung Quốc, bởi vì nhiên liệu và năng lượng thường chiếm tới trên 60% tổng chi phí sản xuất. Vào cuối năm 2009, có khoảng 500 trạm phát điện nhiệt thải đã được xây dựng trong các nhà máy xi măng trên toàn Trung Quốc, với tổng công suất lắp đặt gần bằng 3316 MW, tiết kiệm gần 8 triệu tấn than

tiêu chuẩn. Nó cũng tương đương với giảm 19 triệu tấn CO₂ phát thải.

Những dự án phát điện nhiệt thải của Heidelberg Cement China

Trong năm 2006 - 2007, Heidelberg Cement kết hợp với các đối tác đã quyết định đầu tư trong các đơn vị trực thuộc nó ở Trung Quốc: Nhà máy Xi măng Zhujiang(ZCP) ở tỉnh Quảng Đông, Nhà máy Xi măng Fufeng (FF) và Nhà máy Xi măng Jingyang (JY) ở tỉnh Shaanxi. Kết quả là 3 trạm phát điện nhiệt thải đã được xây dựng với công suất như sau:

- Xi măng Zhujiang: 7,5 MW
- Xi măng Fufeng: 17,2 MW
- Xi măng Jingyang: 20,7 MW.

Ba dự án này đã được đưa vào vận hành năm 2007 - 2008 và đã được chính quyền địa phương ủng hộ.

Công nghệ thành công

Thiết kế cơ bản đối với 3 nhà máy là giống nhau. Hệ thống đòi hỏi đủ lượng nhiệt thải từ tháp nung sơ và buồng làm mát clinker để đun nóng nước và tạo ra hơi nước. Hơi nước vận chuyển đến tua-bin được nối với máy phát điện.

Trong khi đó dự án phát điện nhiệt thải tại ZCP đã được đưa vào vận hành từ tháng 11/2007, còn các trạm ở JY và FF đã vận hành trong năm 2009. Tất cả 3 dự án này được thực hiện chủ yếu bằng công nghệ Trung Quốc. Vào cuối năm 2009, 223 triệu kWh điện đã được phát bởi 3 trạm phát điện này. Đã tiết kiệm được 80.402 tấn than tiêu chuẩn tương đương với giảm phát thải 192.965 tấn CO₂.

Nguyên nhân thắng lợi:

Có nhiều nguyên nhân tốt dẫn đến lắp đặt trạm phát điện nhiệt thải thành công, đó là:

- Chi phí đầu tư vừa phải, đặc biệt nếu chính quyền địa phương ủng hộ công nghệ;
- Tiết kiệm chi phí vận hành đáng kể có thể đạt được;
- Giảm phát thải CO₂ đáng kể;
- Phụ thuộc ít hơn vào cung cấp điện bên ngoài - trong trường hợp điện bên ngoài bị hư hỏng thì lò nung vẫn tiếp tục vận hành trong thời gian khá dài.

Phát điện nhiệt thải tại Nhà máy Xi măng Jingyang

Hai dây chuyền nung phương pháp khô tại Nhà máy Xi măng Jingyang, mỗi dây chuyền có công suất clinker 5000 tấn/ngày. Nhiệt độ của khí thoát ra từ cyclone tầng N1 của tháp trao đổi nhiệt vào khoảng 320°C và nhiệt độ khí thải từ buồng làm nguội clinker vào khoảng 350°C.

Tiêu hao nhiệt của lò nung hiện nay là 3,32 GJ/tấn clinker. Một máy phát điện và các hệ tua-bin có công suất thiết kế bằng 20.700 kW. Điện phát ra được dùng trực tiếp trong nhà máy xi măng và về lý thuyết có thể phân phối vào lưới điện công. Công suất lý thuyết hàng năm phát điện nhiệt thải của nhà máy này vào khoảng 150 triệu kWh/năm.

ND: Đinh Bá Lô

Theo T/C "International Cement Review"

N5/2010

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo trì công trình phủ xanh đô thị

Công trình phủ xanh đô thị là bộ phận cấu thành quan trọng của công trình công cộng đô thị. Do năng lực tổng hợp của đô thị được tăng cường, đời sống của người dân được nâng cao dẫn đến nhu cầu phải cải thiện môi trường sinh hoạt sản xuất, do vậy, trọng tâm xây dựng đô

thị đã dần dần chuyển từ tăng thêm về lượng sang nâng cao về chất. Là một biện pháp làm đẹp đô thị, phủ xanh đô thị được mọi người chú ý nhiều hơn. Từ năm 2000 tới nay, thành phố Thường Châu, tỉnh Giang Tô lần lượt tiến hành các công trình như "Xây dựng con đường đô thị

xanh”, “Xây dựng 10 công trình lớn phủ xanh đô thị”... với cường độ mạnh, quy mô và thứ bậc cao chưa từng thấy. Nhưng công tác phủ xanh đô thị mang lại vấn đề cấp bách, đó chính là công tác bảo trì chưa theo kịp công tác phủ xanh. Mức độ bảo trì công trình phủ xanh đô thị thể hiện chủ yếu ở chế độ quản lý nó.

I. Phân tích đặc điểm của công tác bảo dưỡng công trình phủ xanh đô thị

1. Cùng là những công trình hạ tầng cơ sở của đô thị, nhưng công trình phủ xanh đô thị và công trình đường đô thị có nhiều điểm khác nhau về bản chất. Công trình phủ xanh đô thị là “công trình hạ tầng đô thị có sinh mạng”, có nét đặc trưng về khu vực và chu kỳ sinh trưởng rõ rệt. Cây phủ xanh có chủng loại hết sức đa dạng, tập tính mỗi loài một khác. Công trình đường đô thị không có đặc tính trên. Mặc dù vậy, khung chế độ bảo trì đường đô thị có thể dùng để tham khảo cho công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị.

2. Thi công và bảo trì công trình phủ xanh đô thị cũng khác nhau rõ nét. Bảo trì công trình phủ xanh đô thị là công tác thường xuyên và dài hạn, trọng tâm là duy trì hiệu quả phủ xanh, nó không thể dựa vào một vài “đợt ra quân” ồ ạt ngắn hạn để hoàn thành nhiệm vụ được. Nhưng công tác thi công công trình phủ xanh đô thị lại có thể thay đổi diện mạo đô thị trong một thời gian ngắn. Xây dựng và bảo trì công trình phủ xanh có mối liên hệ tự nhiên và chặt chẽ. Xây dựng công trình phủ xanh là tiền đề cho bảo trì công trình phủ xanh đô thị, phần lớn kỹ thuật xây dựng công trình phủ xanh đô thị có thể trực tiếp ứng dụng từ kỹ thuật bảo trì công trình phủ xanh đô thị, mà bảo trì công trình phủ xanh đô thị lại có thể tham khảo phương pháp quản lý xây dựng công trình phủ xanh đô thị.

3. So sánh phủ xanh đường sá đô thị với phủ xanh cảnh quan công viên, chủng loại phủ xanh đường sá đô thị tương đối ít, đa số phân bố theo tuyến, tạo hình giản đơn, ngay ngắn, có hiệu quả phủ xanh tầng bậc. Chủng loại phủ

xanh công viên đô thị tương đối phức tạp, phân bố theo diện, nhấn mạnh hiệu quả cảnh quan, chú trọng cá tính và nét đặc sắc. Tóm lại, phải nắm vững đặc điểm của công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị thì mới có thể đề ra chế độ bảo trì công trình phủ xanh đô thị phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn công tác.

II. Xây dựng chế độ bảo trì công trình phủ xanh đô thị

Một chế độ quản lý hoàn thiện phải là một hệ thống hoàn chỉnh, chặt chẽ, có thể kịp thời nâng cấp đổi mới. Chế độ này phải có mục tiêu (tiêu chuẩn bảo trì công trình phủ xanh đô thị), có phương pháp và biện pháp thực hiện (quy trình kỹ thuật bảo trì công trình phủ xanh đô thị), có biện pháp bảo đảm (biện pháp kiểm tra và quy tắc kiểm tra cụ thể).

Hiện nay, ở Trung Quốc chưa có chế độ thống nhất về bảo trì công trình phủ xanh đô thị, chỉ có một vài tiêu chuẩn bảo trì mang tính địa phương, các ngành quản lý cần cụ thể hơn nữa mới có thể thực hiện được.

Khi đề ra chế độ, cần phải áp dụng phương thức chia ra từng khu vực nhỏ, chia hệ thống chế độ ra thành mấy khu vực nhỏ rồi mới soạn thảo. Mỗi khu vực cần phải có hệ thống riêng, các khu vực phải có mối liên hệ hữu cơ chặt chẽ. Chế độ quản lý bảo dưỡng của khu vực có thể chia ra như sau:

1. Biện pháp quản lý bảo trì công trình phủ xanh đô thị khu Tân Bắc thành phố Thường Châu (tương đương với tiêu chuẩn bảo trì công trình phủ xanh đô thị);

2. Yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình phủ xanh đô thị khu Tân Bắc thành phố Thường Châu (tương đương với quy trình kỹ thuật);

3. Biện pháp quản lý trồng hoa theo mùa khu Tân Bắc thành phố Thường Châu.

4. Biện pháp kiểm tra quản lý công trình phủ xanh đô thị khu Tân Bắc Thường Châu.

5. Tiêu chuẩn kiểm tra quản lý công trình phủ xanh đô thị khu Tân Bắc, thành phố Thường Châu.

Bảng 1 - Nội dung chủ yếu của hệ thống quản lý bảo trì công trình phủ xanh đô thị

Tên chế độ	Nội dung chủ yếu
Biện pháp quản lý bảo trì công trình phủ xanh đô thị	Thuật ngữ bảo trì, tiêu chuẩn chất lượng bảo trì, quy định tài liệu bảo trì, các yêu cầu khác (thi công an toàn văn minh, biện pháp ứng phó...)
Quy trình kỹ thuật bảo trì công trình phủ xanh đô thị	Cắt tỉa cành, bón phân, tưới nước, làm cỏ, trừ sâu, chăm sóc trong những mùa đặc thù (chăm sóc vào mùa xuân, mùa mưa, mùa bão...)
Biện pháp quản lý trồng hoa theo mùa	Tiêu chuẩn chất lượng hoa, tưới nước, bón phân, trừ sâu...
Biện pháp kiểm tra bảo trì công trình phủ xanh đô thị	Cơ sở kiểm tra, phương thức kiểm tra, kỷ luật kiểm tra...
Tiêu chuẩn kiểm tra bảo trì công trình phủ xanh đô thị	Phần văn bản chia ra thành biện pháp kiểm tra, biện pháp kiểm tra thi công văn minh an toàn, biện pháp kiểm tra nghiệp vụ...; phần bảng biểu chia nhỏ thành quy tắc kiểm tra cụ thể từng tháng

III. Những vấn đề mà các chế độ phải giải quyết

1) Những vấn đề cần phải giải quyết khi đề ra “Biện pháp quản lý bảo trì công trình phủ xanh đô thị”

1.1. Quy phạm thuật ngữ.

Phải quy phạm các thuật ngữ về bảo trì, đặc biệt là quy phạm tên địa phương của thực vật. Như vậy, bên giao khoán và bên nhận thầu sẽ không bị hiểu lầm khi lý giải hợp đồng, cũng tránh khỏi tranh chấp khi kiểm tra, tiện cho giao lưu học tập giữa các khu vực và các doanh nghiệp bảo trì công trình phủ xanh đô thị đi vào thị trường này.

1.2. Phân cấp quản lý bảo trì.

Tầm quan trọng của các công trình phủ xanh đô thị thay đổi tùy theo vị trí khu vực của chúng. Đây là nhân tố khách quan. Bởi vậy, phân vùng bảo trì cũng là nhằm tập trung lực lượng, khắc phục những thiếu hụt về nhân lực và kinh phí, hạ thấp tiêu hao. Tất nhiên, phân cấp công trình phủ xanh đô thị không nên quá nhỏ, nên chia ra làm ba cấp. Tiêu chuẩn chất lượng bảo trì cấp I áp dụng cho các khu vực

quan trọng như đại lộ cảnh quan, quảng trường, phủ xanh đường phố...; bảo trì cấp III áp dụng cho đường nhánh có vị trí ở xa, lưu lượng người qua lại ít; bảo dưỡng cấp II ở giữa hai cấp đó.

1.3. Xác định tiêu chuẩn bảo trì công trình phủ xanh đô thị.

Xác định tiêu chuẩn bảo trì công trình phủ xanh đô thị là một vấn đề hết sức nghiêm túc. Nếu tiêu chuẩn thấp thì sẽ không thể đạt được hiệu quả phủ xanh như mong muốn, nhưng nếu tiêu chuẩn quá cao sẽ gây lãng phí tài nguyên và tiền vốn.

Cần nghiên cứu kỹ tính khả thi của tiêu chuẩn, vì nếu đề ra tiêu chuẩn mà không thể thực hiện được thì tiêu chuẩn đó thất bại. Ví dụ, trong “Tiêu chuẩn quản lý bảo trì công trình phủ xanh đô thị” của một thành phố ở Trung Quốc đã đề ra nội dung: “Kịp thời trừ sâu dập dịch..., số lượng sâu sống không được quá 1 con trên bình quân 100 cm² cành chính, cành nhánh, không được quá 2 con trên bình quân mỗi 30 cm nhánh cây nhỏ, số gốc bị sâu không được quá 1%...” Tiêu chuẩn như vậy rất khó thực hiện, dễ nảy sinh ra tranh chấp, cuối cùng hạ

thấp tính ràng buộc và ít được công chúng thừa nhận.

Đối với phủ xanh đường đô thị, chủ yếu phải kiểm tra “hiệu quả”. Vấn đề lấy việc phòng trừ sâu hại làm ví dụ, cây cối bị sâu bọ cắn là quy luật tự nhiên, không thể trừ tận gốc, mấu chốt là hiệu quả phòng chống. Chỉ cần khống chế sâu hại trong phạm vi số lượng nhất định, không để cho gây ảnh hưởng tới hiệu quả phủ xanh thì có thể coi là phòng chống thành công.

1.4. Phân loại để đề ra biện pháp hợp lý

Cần chia công trình phủ xanh đô thị ra làm nhiều loại hình khác nhau như cây ven đường, lùm cây, bồn hoa, chậu hoa, rừng cây..., sau đó phân loại để ra tiêu chuẩn tương ứng. Các loại lớn còn có thể chia ra làm vài loại nhỏ, ví dụ chậu hoa có thể chia ra hai loại nhỏ: chậu hoa cảnh quan và chậu hoa phi cảnh quan. Nên dùng hình thức bảng biểu, tiện cho việc tra cứu, sửa đổi.

1.5. Kết hợp định tính với định lượng

Tất nhiên, tiêu chuẩn cần có chỉ tiêu định lượng. Nhưng khi đánh giá công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị, cần có chỉ tiêu chủ yếu là hiệu quả phủ xanh. Một số chỉ tiêu kiểm tra không cần phải chia ra quá nhỏ. Khi đề ra biện pháp, còn phải tuân thủ nguyên tắc kết hợp định tính với định lượng.

1.6. Yêu cầu của tư liệu trong ngành.

Tư liệu trong ngành có tác dụng rất quan trọng trong việc tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ bảo trì công trình phủ xanh đô thị. Cần chia tư liệu trong ngành ra làm ba tầng: ngày, tháng và năm, yêu cầu đơn vị bảo trì công trình phủ xanh đô thị phải ghi chép đầy đủ. “Ghi chép hàng ngày”, “Tổng kết từng tháng” có thể điền theo bảng biểu lập sẵn. “Báo cáo tổng kết hàng năm” được viết theo đề cương soạn sẵn.

2) Những vấn đề cần phải giải quyết khi đề ra “Yêu cầu kỹ thuật bảo trì công trình phủ xanh đô thị”.

2.1. Yêu cầu cắt tỉa, tưới nước, bón phân.

Phải quy định cụ thể và chính xác yêu cầu cắt tỉa đối với từng chủng loại cây; ví dụ, phải

quy định thời gian giãn cách cắt tỉa, chất lượng cắt tỉa đối với loại cây lâu năm, cây ngắn ngày..., xét khả năng sinh trưởng của cây, xác định số lần bón phân trong mỗi năm, lượng phân bón, kiểm tra công tác tưới nước, hiệu quả chống hạn thông qua lượng ngậm nước của đất.

2.2. Trừ cỏ

Đưa ra những yêu cầu trừ cỏ khác nhau, các biện pháp phun thuốc trừ cỏ hoặc biện pháp trừ cỏ thủ công đối với từng loại cây.

2.3. Phòng trừ sâu hại

Phòng trừ sâu hại là bộ phận cấu thành quan trọng trong quy trình kỹ thuật, đó cũng là lĩnh vực ứng dụng kỹ thuật tương đối nhiều. Cần áp dụng biện pháp lập bảng biểu, kịp thời tổng kết, phổ biến và hoàn thiện.

3) Những vấn đề cần phải giải quyết khi đề ra “Biện pháp quản lý trồng hoa”

Trồng hoa chủ yếu nhằm tạo hình ở các địa điểm trọng yếu, làm trong sạch không khí. Vì nó dễ bị tổn thương, tuổi thọ ngắn, chi phí cao, nên cần phải soạn thảo riêng một quy trình kỹ thuật trồng hoa. Biện pháp này cần đề ra tiêu chuẩn chặt chẽ, chủ yếu là định lượng.

4) Những vấn đề cần phải giải quyết khi đề ra “Biện pháp kiểm tra công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị”

4.1. Đề ra biện pháp kiểm tra công tác bảo dưỡng công trình phủ xanh đô thị, cần tuân thủ “nguyên tắc ba kết hợp”: kết hợp với “Biện pháp quản lý”, “Quy trình kỹ thuật”, kết hợp với quy luật và chu kỳ sinh trưởng của cây trồng, kết hợp với chế độ quản lý đô thị số hóa của thành phố Thường Châu.

4.2. Năm vững kiểm tra tiêu chuẩn. Chia công tác bảo trì ra thành kiểm tra định kỳ và kiểm tra không định kỳ. Hệ thống kiểm tra định kỳ có nghĩa là kiểm tra đơn vị bảo trì theo thời gian cố định mỗi tháng, yêu cầu đơn vị bảo trì tham gia, kiểm tra toàn diện và chấm điểm công tác bảo trì tháng đó, lấy đó làm cơ sở cho việc chi trả chi phí bảo trì. Kiểm tra không định kỳ mỗi tháng một lần, khi phát hiện ra vấn đề phải kịp thời yêu cầu khắc phục.

Kiểm tra định kỳ mang tính bình xét, kiểm tra không định kỳ mang tính chỉ đạo. Phương thức kiểm tra xen kẽ chặt chẽ như vậy dễ được đơn vị bảo trì chấp nhận, cũng tiện cho cơ quan quản lý linh hoạt nắm vững cục diện bảo trì.

5) Những vấn đề cần phải giải quyết khi đề ra “Tiêu chuẩn kiểm tra công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị”

Tiêu chuẩn kiểm tra công tác bảo trì là sự tổng kết và thực hiện những văn kiện nói trên, là cơ sở trực tiếp nhất để kiểm tra công tác bảo trì. Bởi vậy, phải hết sức cụ thể hóa và lượng hóa. Tiêu chuẩn kiểm tra công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị gồm hai phần văn bản và bảng biểu

Phần văn bản chủ yếu giải thích rõ về thi công an toàn văn minh, tư liệu ngành, tiêu chuẩn chấm điểm...

Phần bảng biểu là trọng điểm. Tùy theo chu kỳ sinh trưởng của cây phủ xanh, nội dung bảo trì hàng tháng cũng khác nhau. Vì vậy, nội dung bảo trì trong phần bảng biểu phải chia ra làm hai mục thông dụng và đặc thù. Mục thông dụng là công việc đều phải làm hàng tháng như cắt tỉa chỉnh hình, phòng trừ sâu bệnh, chống hạn, chống úng, trừ cỏ...; mục đặc thù là công việc đặc thù phải làm trong những tháng cá biệt như phòng chống giá rét, giữ ẩm, bón phân vụ đông trong tháng giêng.

Nguyên nhân và cách đối phó với tình trạng nứt gãy đường nhựa trong thời gian đầu sử dụng

Tình trạng đường nhựa bị nứt gãy trong thời gian đầu sử dụng hiện đang là vấn đề xảy ra khá phổ biến tại nhiều nước trên thế giới. Bài viết này là kết quả khảo sát về tình trạng đường nhựa tại thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Theo tác giả cho biết, cho dù là nền đường được sử dụng bằng vật liệu đá như trước đây hay được sử dụng bằng loại vật liệu xi măng có tính ổn định đang thịnh hành hiện nay, thì chỉ sau một thời gian đưa vào sử dụng, các con đường trải nhựa đều phát sinh rạn nứt. Thời gian

IV. Kết luận

Lâu nay, mô hình tư duy và quan điểm thành tích hành chính coi trọng việc xây dựng nhưng lại coi nhẹ bảo trì khiến cho công tác bảo trì trở nên càng khó thực hiện. Phải ý thức rằng hiệu quả phủ xanh ba phần nhờ vào khâu trồng trọt, bảy phần còn lại dựa vào khâu bảo trì, chỉ có hết sức coi trọng bảo trì công trình phủ xanh đô thị thì mới khiến cho nó triệt để phát huy hiệu quả đầu tư, thống nhất hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường.

Vấn đề vướng mắc của công tác bảo trì công trình phủ xanh đô thị thường không nằm ở phần cứng (nhân viên, kỹ thuật, tài liệu, máy móc...), mà phần nhiều ở phần mềm: quản lý bừa bãi, khiến cho cục diện khó điều tiết.

“Quản lý” là sức sản xuất. Từ khi thực hiện chế độ bảo trì công trình phủ xanh đô thị tới nay, công tác phủ xanh khu vực Tân Bắc, thành phố Thường Châu đã được cải thiện nhiều, trật tự bảo trì công trình phủ xanh đô thị được quy phạm, trình độ bảo trì được nâng cao, về cơ bản không lãng phí tài nguyên, tạo nên hiệu quả khả quan.

Lý Lực

Tạp chí “Xây dựng Đô thị - Nông thôn TQ”

số 2/2010

ND: Hoàng Thế Vinh

đầu nhìn chung vết nứt không gây nguy hiểm lớn, nhưng cùng với thời gian, do lượng nước từ bên ngoài thẩm thấu vào, sẽ khiến cho kết cấu nền móng thậm chí là cả mặt nền bị phá vỡ, làm cho khả năng chịu lực của nền đường giảm xuống, từ đó sinh ra ổ gà, nứt gãy và làm cho mặt đường xuống cấp nhanh chóng.

1. Các hiện tượng nứt gãy đường nhựa

Hiện tượng nứt gãy đường nhựa xảy ra chủ yếu do 2 nguyên nhân: do nền đường phải chịu ảnh hưởng từ các loại xe có tải trọng nặng, dẫn

đến kết cấu nền đường bị biến dạng, thông thường người ta gọi hiện tượng này là nứt gãy nền đường do tải trọng. Nguyên nhân khác là do bề mặt đường nhựa phải chịu sự thay đổi của nhiệt độ, khi gặp thời tiết lạnh nền đường co lại, mất tính đàn hồi và gây ra nứt gãy, thông thường hiện tượng này được gọi là nứt gãy do thời tiết. Trong quy phạm thiết kế đường nhựa hiện hành ở Trung Quốc, cho dù là quy định hay những đề nghị phải lựa chọn nền móng có tính bán cứng, thì nhìn chung sau khi chịu tác động của thời tiết thì nền đường vẫn bị co lại, trong kết cấu phát sinh ra hàng loạt phản xạ hay tương ứng với nứt gãy.

2. Phân tích nguyên nhân gây ra nứt gãy đường nhựa

2.1 Nứt gãy do tải trọng

Nguyên nhân chủ yếu gây ra nứt gãy, phá hỏng kết cấu đường là do các loại xe có tải trọng nặng. Khi bánh xe có tải trọng nặng tác động lên nền đường, nền móng bán cứng sẽ sinh ra lực kéo, và khi lực kéo tác động lên vật liệu có tính kháng kéo quá lớn, sẽ làm cho đế móng bán cứng nhanh chóng bị nứt gãy, nếu cứ bị trọng tải lớn tác động lặp đi lặp lại nhiều lần, vị trí nứt gãy ở đế móng sẽ dần phát triển rộng lên cả mặt nền, làm bề mặt đường cũng bị nứt gãy theo. Nguyên nhân gây nứt gãy do tải trọng có nhiều dạng khác nhau, nhưng chủ yếu là do một số nguyên nhân sau:

(1) Do khâu thiết kế kết cấu nền đường không phù hợp, bề mặt đường và nền móng bán cứng chưa được quan tâm đầy đủ, nên không thể đáp ứng với nhu cầu cường độ của nền đường.

(2) Trong thi công, công tác kiểm soát chất lượng công trình chưa được giám sát chặt chẽ, nên dẫn tới trong khâu thi công nền móng xuất hiện hiện tượng lún đất tự nhiên với đất bồi.

(3) Trong các tầng kết cấu, chất lượng các loại vật liệu không đồng đều, nên gây ảnh hưởng tới chất lượng công trình.

Do tải trọng giao thông ngày một tăng, nên theo tác giả, để nâng cao tuổi thọ của đường và

đáp ứng với nhu cầu giao thông hiện nay và về lâu dài, cần tăng thêm độ dày cho nền móng, nền móng của đường phải dày từ 30-40cm, để tăng khả năng chịu tải trọng của đường.

2.2 Nứt gãy do nhiệt độ

Hiện tượng nứt gãy do nhiệt độ có hai loại sau: một loại là khi nhiệt độ hạ thấp, kết cấu đường bị co lại và gây ra nứt gãy và một loại khác là do nhiệt độ tác động lên làm giảm tính liên kết gây ra nứt gãy.

(1) Nứt gãy do nhiệt độ thấp

Khi nhiệt độ hạ thấp trên diện rộng, vật liệu nhựa đường sẽ cứng lại và bắt đầu co, cùng lúc đó đế móng bán cứng sẽ sinh ra lực kéo, và khi lực kéo của vật liệu nhựa đường hỗn hợp diễn ra liên tục, không chống lại được với áp lực nhiệt độ ngày càng tăng, sẽ làm cho hỗn hợp vật liệu càng tăng thêm độ cứng. Đồng thời, do bề mặt nhựa đường bị bó buộc trong phạm vi lòng đường, nên tại bề mặt cũng phát sinh lực co kéo và khi lực co kéo này vượt quá cường độ kháng kéo của vật liệu hỗn hợp, bề mặt bê tông bắt đầu xuất hiện nứt gãy. Hơn nữa, khi rơi vào trạng thái trên, cũng một phần do liên kết của bề mặt nhựa đường với nền móng bán cứng kém, nên khi đạt tới sự co kéo tự do ở mức nhất định, rất dễ dàng phát sinh nứt gãy.

(2) Nứt gãy do nhiệt độ tác động lên làm giảm tính kết cấu

Loại nứt gãy này chủ yếu phát sinh ở những vùng có nhiệt độ ban ngày cao. Do nhiệt độ tăng giảm thất thường, nên làm cho bề mặt nhựa đường giãn nở quá mức, vật liệu nhựa đường hỗn hợp bị kéo dẫn đến cực điểm và biến dạng, hơn nữa, trong quá trình nhựa đường đang dần lão hoá sẽ khiến nhựa đường trở nên cứng hơn, mức độ đàn hồi giảm xuống, cuối cùng, khi cường độ kháng kéo của nhựa đường ở mức thấp nhất, thì cũng là lúc mặt đường bắt đầu phát sinh nứt gãy.

Thành phố Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, là một thành phố có khí hậu gió mùa lục địa, thời tiết 4 mùa rõ rệt, nhưng trong những

năm gần đây, cùng với khí hậu trái đất ngày càng nóng dần lên, nhiệt độ nơi đây cũng đang ngày càng tăng, nên chất lượng nhựa đường sử dụng trong công trình cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định xác suất phát sinh tình trạng nứt gãy nền đường.

Do điều kiện kinh tế của thành phố Lạc Dương còn hạn chế, nên đã nhiều năm trong công tác thi công đường bộ vẫn sử dụng asphalt nhẹ để thảm mặt đường giao thông, nhưng vài năm trở lại đây, người ta bắt đầu sử dụng asphalt nặng để thảm mặt đường và đạt hiệu quả rõ rệt. Nhưng cho đến nay do ngày càng nhiều vật liệu và công nghệ thi công nền đường tiên tiến ra đời, đối với những tuyến đường giao thông chất lượng cao, thì vật liệu asphalt nặng sử dụng để thảm đường đã có phần lạc hậu, nên hướng tới tích cực sử dụng asphalt cải tiến làm nền đường giao thông đô thị, như vậy chắc chắn sẽ đạt hiệu quả tích cực trong công tác cải thiện tính ổn định khi nhiệt độ cao thấp tác động lên bề mặt và cải thiện tình trạng mặt nền đang sử dụng hiện nay.

2.3 Nứt gãy do phản xạ và sự tương ứng của mặt nền có tính bán cứng

Mặt nền có tính bán cứng bị nứt gãy do phản xạ là việc rất khó dự đoán và đối phó. Giả thiết thông thường dẫn đến hiện tượng nứt gãy do phản xạ chủ yếu là căn cứ vào mức độ lan truyền của vết nứt và mức độ vết nứt thẳng góc của mặt nền có sử dụng nền móng bán cứng. Vết nứt thẳng góc được tạo ra là do xe có tải trọng nặng chèn lên kết cấu nền đường tại nhiều điểm. Mức độ lan truyền của vết nứt là do sự thay đổi nhiệt độ hoặc sự thay đổi của thành phần nước khiến cho kết cấu đường giãn nở không đều.

Đối với nền móng bán cứng, sau khi mới thi công, do thành phần nước trong hỗn hợp vật liệu giảm xuống, nên đã sinh ra hiện tượng co kéo, thành phần nước càng giảm bao nhiêu thì hiện tượng đó diễn ra càng nhiều và càng nhanh. Sau khi bề mặt nhựa đường trên nền

móng bán cứng phát sinh hiện tượng co kéo và gây nứt gãy, trong trường hợp bề mặt nhựa đường mỏng, thì vết nứt gãy ở nền móng bán cứng do tác động của nhiệt độ gây ra, trước tiên sẽ làm cho bộ phận đế móng bị nứt gãy, sau đó nhanh chóng hình thành phản xạ và gây nứt gãy liên tiếp. Khi có các phương tiện giao thông tác động vào, lực căng được tạo ra, kết hợp cùng với lực căng do nhiệt độ, khi đó sự nứt gãy sẽ diễn ra càng nhanh hơn. Nếu bề mặt nhựa đường dày, lực căng bề mặt chủ yếu là do nhiệt độ, sự nứt gãy ở nền móng sẽ tác động lên bề mặt khiến cho mặt đường bị nứt gãy.

Việc nền đường bị nứt gãy, cũng một phần là do trình độ thi công của các đơn vị không đồng đều, khi công trình đưa vào vận hành, các vết nứt đã xuất hiện trong thời gian đầu sử dụng, do lớp nước trong các vết nứt có tính ổn định cao, từ đó sẽ dẫn tới nứt gãy do phản xạ. Hiện nay, Trung Quốc thường chọn dùng các biện pháp sử dụng vải địa kỹ thuật, vữa chống thấm, tăng hấp thu lực căng các hỗn hợp... mục đích chính là phòng tránh nứt gãy nền móng do ở mức cao nhất. Trong bài viết này, tác giả cũng kiến nghị nên sử dụng tăng hấp thu lực căng các hỗn hợp, biện pháp thi công khá dễ dàng mà giá cả tương đối thấp.

3. Biện pháp giảm nứt gãy bề mặt đường nhựa

Căn cứ vào phạm vi quy định, thông qua tính toán độ dày và thiết kế kết cấu mặt nền, làm sao có thể đáp ứng nhu cầu về khả năng chịu tải và cường độ mặt nền của đường nhựa, trên cơ bản là có thể giải quyết được việc phát sinh nứt gãy do vấn đề tải trọng gây ra. Nhưng để có thể giảm và tránh được tình trạng phát sinh nứt gãy do tải trọng thì cần tiến hành nghiên cứu và suy xét từ khâu thiết kế và thi công.

3.1. Thiết kế

(1). Khi tiến hành thiết kế mặt đường bán cứng, trước tiên cần lựa chọn những vật liệu sử dụng làm nền móng bán cứng phải đảm bảo các tính năng như: khả năng chống xói mòn

cao, hệ số co giãn và co giãn khi nhiệt độ thấp, cường độ kháng kéo lớn. Độ dày không dưới 30cm. Đế móng có thể sử dụng xi măng, đá vôi và được làm trên nền đất ổn định.

(2). Sử dụng nhựa đường cải tiến làm mặt đường, đối với những tuyến đường hoặc những cây cầu có tải trọng giao thông lớn nên thử nghiệm sử dụng công nghệ làm đường SMA.

(3). Lựa chọn độ dày bề mặt nhựa đường phù hợp, thông thường độ dày từ 9 -13 cm, hạn chế để xảy ra tình trạng nền móng bán cứng bị nứt gãy ngay trong thời gian đầu sử dụng ở mức cao nhất.

(4). Để từng bước nâng cao tính năng kháng nhiệt không gây nứt gãy của lớp bề mặt, có thể phủ một lớp cao su nhựa đường hoặc nhựa đường polymer lên bề mặt bê tông nhựa, hoặc giữa nền móng bán cứng và bề mặt nhựa đường thiết lập tầng trung gian để giảm lực căng.

3.2. Thi công

(1). Kiểm soát nghiêm ngặt hàm lượng nước khi thi công đầm lặn nền móng có tính bán cứng, hàm lượng nước có trong vật liệu tốt nhất là cao hơn từ 1-2%.

(2). Sau khi thực hiện xong khâu đầm lặn nền móng có tính bán cứng, cần bảo dưỡng kịp thời. Dựa vào kinh nghiệm, trong thời gian bảo dưỡng, phải bám sát diễn biến của nền móng, xem có phát sinh nứt gãy hay không.

(3). Sau khi hoàn thành đầm lặn nền móng có tính bán cứng hoặc chậm nhất là sau khi kết thúc khâu bảo dưỡng, cần sử dụng nhũ tương tưới lên mặt đường để tăng thêm độ bám dính của kết cấu, sau đó nhanh chóng thảm nhựa đường lên bề mặt.

4. Kết luận

Những năm gần đây, trong công tác thiết kế, Sở Xây dựng thành phố Lạc Dương đã lựa chọn được những vật liệu nhựa đường làm bề mặt và đã đạt hiệu quả cao. Đối với vật liệu sử dụng làm nền móng, về cường độ và cấp phối đã được các chuyên gia thực hiện một cách nghiêm túc và tính toán đều dựa trên những căn cứ và có cơ sở. Khi bàn giao sử dụng các công trình đường bộ, rất hiếm khi xuất hiện trường hợp nền đường bị nứt gãy trong thời gian đầu sử dụng. Việc làm này đã giúp các chuyên gia làm đường ở thành phố Lạc Dương rút ra một kinh nghiệm là để đảm bảo chất lượng công trình ở mức cao nhất thiết công trình đó phải được thiết kế một cách khoa học và được thi công một cách tỉ mỉ, cẩn thận trong các bước.

Dương Minh

Viện Thiết kế xây dựng - TP Lạc Dương

Nguồn: Tạp chí Xây dựng TQ

số 20/2009

ND: Bích Ngọc

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Thành công của chính sách kiểm soát thị trường bất động sản khiến các doanh nghiệp Bất động sản Trung Quốc lo lắng

Theo Trung Quốc Nhật Báo đưa tin ngày 23/6: Các doanh nghiệp bất động sản của Trung Quốc đang lo lắng do chính sách mới ban hành của Chính phủ hồi tháng 4 vừa qua đã kéo giá bất động sản giảm khoảng 15%.

Ông Trương Dũng Phong, trưởng chi nhánh của Công ty BĐS Homelink tại tỉnh An Huy cho biết, số lượng khách hàng đến xem các căn hộ

trong tuần tăng nhưng rất ít người mua. Theo ông Trương Dũng Phong, do những nhà đầu cơ bị gạt ra khỏi thị trường bởi quy định của Chính phủ hạn chế việc sở hữu hơn một căn hộ ở Bắc Kinh, nên những khách hàng đến xem chủ yếu là người mua nhà lần đầu và họ đang chờ giá cả xuống thấp hơn nữa.

Ngày 30/4 vừa qua, Sở Nhà ở và Phát triển đô thị - nông thôn Bắc Kinh đã ban hành một quy chế mới với mong muốn hạ nhiệt sự tăng giá bất động sản.

Đối với thị trường nhà ở cũ, ông Trương Dũng Phong cho biết, trước tháng 4/2010, mỗi tháng ông có thể tạo ra 20.000 - 100.000 NDT lợi nhuận cho Công ty Homelink. Nhưng cho đến tháng 6 này ông chưa bán được một bất động sản nào - "Một căn hộ 60m² với 1 hoặc 2 phòng ngủ trước đây giá trung bình khoảng 1,4 triệu NDT, nhưng hiện nay đã rẻ hơn khoảng 200.000 NDT".

Trái lại với sự trầm lắng của thị trường mua bán bất động sản, trong tháng 6, giá thuê nhà ở Bắc Kinh đã tăng bình quân 20%, với giá thuê một căn hộ 2 phòng ở Bắc Kinh trung bình khoảng 3.000 NDT/tháng.

<http://www.chinadaily.com>

Indonesia có kế hoạch phát triển xi măng

Tập đoàn PT Semen Gresik thông báo kế hoạch xây dựng 02 nhà máy xi măng và 01 nhà máy điện trong 2 năm tới. Dự án mở rộng yêu cầu đầu tư khoảng 765 triệu USD. Theo ông Sunardi Prionomurti, Tổng giám đốc Tập đoàn cho biết, tổng mức đầu tư 02 dự án nhà máy xi măng nói trên vào khoảng 630 triệu USD và sẽ được xây dựng ở Java và Sulawesi.

PT Semen Gresik đã khởi công xây dựng các nhà máy này nhằm nâng công suất của tập đoàn từ 19 triệu tấn xi măng hiện nay lên 25 triệu tấn vào năm 2012 và xa hơn lên 29 triệu tấn vào năm 2015.

<http://www.worldcement.com>

Sử dụng cặn bùn cống rãnh làm nhiên liệu thay thế than trong sản xuất xi măng

Tập đoàn Lafarge Cement đã thông báo với Cơ quan Môi trường về tiềm sử dụng cặn bùn cống rãnh (PSP) làm nhiên liệu phụ trợ thay thế tại các nhà máy của Tập đoàn ở vùng Derbyshire (Vương quốc Anh)

PSP là nhiên liệu được phân loại thuộc nhóm "cacbon tự nhiên biomass".

PSP được xử lý từ bùn cống rãnh (khoảng gần 1 triệu tấn bùn này được thải ra ở VQ Anh mỗi năm). Bùn này sau đó được xử lý nhiệt khiến cho nó không còn độc hại đối với đất vườn trồng trọt. Tại một số vùng ở Anh đã sử dụng bùn này làm phân. PSP có thể làm nhiên liệu thay thế than trong các lò nung clinke và là một loại nhiên liệu khá hấp dẫn.

PSP đã được sử dụng ở một số nước để nung clinke như: Áo, Tây Ban Nha, Pháp và Hàn Quốc. Nó cũng được sử dụng trong 6 năm vừa qua tại nhà máy xi măng Cauldon ở Staffordshire.

Theo đánh giá thấy rằng việc sử dụng 30.000 tấn PSP mỗi năm sẽ thay thế được 20.000 tấn than (lượng than đủ để phát điện cho 6000 hộ gia đình trong mỗi năm; giảm được phát thải CO₂ tới khoảng 50.000 tấn so với đốt bằng nhiên liệu hóa thạch).

<http://www.worldcement.com>

Xử lý tin: Quỳnh Anh

Hội nghị Sơ kết công tác lập quy hoạch xây dựng 11 xã thí điểm thuộc Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới

Ngày 18/6/2010, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Sơ kết công tác lập quy hoạch xây dựng 11 xã thí điểm thuộc Chương trình thí điểm xây dựng nông thôn mới. Tới dự Hội nghị có Đ/c Trương Tấn Sang – Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban chỉ đạo Chương trình nông thôn mới, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và các đồng chí Thứ trưởng: Nguyễn Đình Toàn, Bùi Phạm Khánh; Thứ trưởng Bộ NN & PTNT Lê Xuân Hùng, các thành viên Ban chỉ đạo, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng, các chủ nhiệm 11 đô án thí điểm.

Sau gần 1 năm triển khai nhiệm vụ do Ban chỉ đạo Trung ương xây dựng mô hình thí điểm nông thôn mới (NTM) giao tại Thông báo số 238-TB/TW ngày 07/4/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành các văn bản về Quy hoạch nông thôn theo yêu cầu xây dựng nông thôn mới, đồng thời giao Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị và Nông thôn lập 11 đồ án quy hoạch xây dựng 11 xã điểm để làm cơ sở cho Chương trình rà soát xây dựng nông thôn mới ban hành theo quyết định 193/QĐ-TTG ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu quy hoạch xây dựng xã có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ và bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá đặc trưng.

Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn và nhiệm vụ được giao, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo lập quy hoạch xây dựng 11 xã điểm là Xã Thanh Chấn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Xã Hải



*Đ/c Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị,
Thường trực Ban Bí thư và Bộ trưởng Bộ Xây dựng
Nguyễn Hồng Quân chủ trì Hội nghị*

Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; Xã Gia Phố, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam; Xã Tân Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xã Tân Lập, Đồng Phú, Bình Phước; Xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Xã Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh; Xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh; Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội. Yêu cầu đề ra trong quy hoạch chung xây dựng xã phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, vùng, quy hoạch phát triển ngành và phù hợp với Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, quy hoạch phải có sự tham gia của người dân từ bước lập quy hoạch, tổ chức triển khai, quản lý quy hoạch. Huy động các nguồn lực từ cộng đồng để thực hiện quy hoạch và quản lý xây dựng nông thôn mới; trong quy hoạch chung xây dựng toàn xã gồm quy hoạch sử dụng đất đai, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch các điểm dân cư nông thôn, quy hoạch các trung tâm và hệ thống hạ tầng xã hội cần phải gắn liền với phát triển sản xuất tại địa phương, phải đảm bảo hiện đại, văn

minh nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hoá, phong tục tập quán của từng vùng, từng dân tộc, giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá vật thể và bảo vệ môi trường sinh thái. Thông qua quy hoạch chung xây dựng toàn xã cho 11 xã điểm sẽ được tổng kết, rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách và sự phối hợp để từ đó nhân rộng cách làm cho các địa phương.

Được sự chỉ đạo sát sao của Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Xây dựng và các địa phương đã phối hợp chặt chẽ để triển khai lập đồ án quy hoạch cho 11 xã điểm và hoàn thành đồ án quy hoạch trong một thời gian ngắn để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm đảm bảo tiến độ của chương trình. Các nội dung nghiên cứu chủ yếu trong đồ án quy hoạch chung xây dựng tại 11 xã điểm gồm có phạm vi, đối tượng, thời hạn quy hoạch và nội dung nghiên cứu, trong đó chủ yếu là nghiên cứu: Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Quy hoạch khu dân cư, nhà ở và quy hoạch bảo tồn các không gian cảnh quan có giá trị; Quy hoạch hệ thống trung tâm, hệ thống hạ tầng xã hội tại cấp xã và thôn, tiếp đến là nghiên cứu các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2011; Quy định về quản lý phát triển nông thôn mới theo QHXD; Quy hoạch xây dựng chi tiết đối với khu trung tâm xã. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện quy hoạch, vẫn còn không ít vấn đề bất cập, như sự phối hợp giữa quy hoạch xây dựng và các quy hoạch ngành khác chưa chặt chẽ, nhiều quy hoạch ngành được lập riêng rẽ, không khớp nối với các loại quy hoạch khác trên cùng một lãnh thổ để có sự thống nhất, nên đã gây ra vướng mắc trong công tác lập quy hoạch và sự phát triển không đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu vực nông thôn, làm cho quy hoạch xây dựng nông thôn lãng phí và không hiệu quả. Trong quá trình lập quy hoạch, hệ thống tài liệu, số liệu, bản đồ phục vụ cho công tác lập quy

hoạch còn thiếu và không thống nhất, một số xã phải dùng bản đồ giải thửa để lập quy hoạch. Hơn nữa năng lực cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch tại xã còn hạn chế và hầu hết chưa được đào tạo, đội ngũ cán bộ quản lý quy hoạch xây dựng có kiến thức chuyên môn tại các huyện, xã thiếu nghiêm trọng. Một số cơ quan có thẩm quyền trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn chưa có nhận thức đầy đủ, đặc biệt là trong công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng nông thôn chưa có các nhà khoa học, nhà đầu tư và các tổ chức khác tham gia vào.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, đây là cuộc vận động lớn của toàn Đảng, toàn dân. Bộ Xây dựng triển khai thí điểm lập quy hoạch 11 xã, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm và nhân rộng, nhằm phủ kín quy hoạch nông thôn trên phạm vi toàn quốc. Bộ trưởng nhấn mạnh: Để nông thôn phát triển phải lấy người dân làm hạt nhân và có cơ chế chính sách phù hợp. Đồ án Quy hoạch chung sẽ định hướng và tổ chức không gian cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương, vùng và quy hoạch phát triển ngành cũng như phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch không nên cứng nhắc, nếu cần có thể sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, để đồ án đó được triển khai hiệu quả trong thực tế.

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, đồng chí Trương Tấn Sang nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác quy hoạch trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đồng thời, cũng lưu ý, công tác quy hoạch nói riêng và xây dựng chương trình nông thôn mới nói chung phải lấy việc phục vụ đời sống dân sinh làm hạt nhân, vai trò cũng như ý kiến đóng góp của người dân phải được thể hiện trong đồ án. Việc tổ chức thực hiện và xây dựng theo quy hoạch cần được triển khai quyết liệt để xây dựng được nông thôn mới hiện đại văn minh, có kinh tế phát

triển, đời sống vật chất tinh thần của người dân được nâng cao, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội hiện đại, tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch

vụ và bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá./.

Bích Ngọc

Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và xây dựng kỷ niệm 35 năm ngày truyền thống, 10 năm cổ phần hoá doanh nghiệp và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất

Ngày 15/6/2010 tại Hà Nội, Cty CP Lắp máy điện nước và xây dựng (COWAELMIC) đã tổ chức trọng thể Lễ Kỷ niệm 35 năm ngày truyền thống (1975 - 2010), 10 năm cổ phần hoá doanh nghiệp (2000 - 2010) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã đến dự.

Tới dự Lễ kỷ niệm còn có đại diện lãnh đạo các tỉnh, thành phố, các Bộ ban ngành ở Trung ương, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành Xây dựng, các cơ quan quản lý, nghiên cứu và các trường đào tạo thuộc Bộ Xây dựng, lãnh đạo và CBCNV-LĐ của Cty qua các thời kỳ, các đại biểu đại diện cho trên 4.000 CBCNV của Cty đang công tác trên khắp các vùng miền của đất nước.

Ngày 15/11/1975 Xí nghiệp Lắp máy điện nước được thành lập (tiền thân là Đội điện máy 100 thuộc Cty Kiến trúc khu Nam Hà Nội). Dù mới thành lập nhưng Xí nghiệp đã tham gia vào những công trình mà tên tuổi còn mãi với thời gian như Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bệnh viện Nhi Thụy Điển, Nhà máy sợi Tân Đức, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Cung văn hoá hữu nghị Việt Xô, Đài phát thanh Đông Dương,...

Tháng 10/1992 Cty Lắp máy điện nước và xây dựng được thành lập trên cơ sở hợp nhất Xí nghiệp Lắp máy điện nước và Xí nghiệp xây dựng. Đây là bước phát triển về chức năng nhiệm vụ, từ "lắp máy, điện nước" đi vào thị



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan gắn Huân chương Độc lập hạng Nhất lên lá cờ truyền thống của Công ty

trường xây dựng phát triển nhà. Mặc dù bắt đầu từ một xuất phát điểm rất thấp (tổng vốn chỉ có 227 triệu đồng), nhưng chỉ sau 6 năm Cty đã nâng được số vốn lên 4 tỷ đồng, được xếp hạng doanh nghiệp loại I, hoàn thành 200 công trình lớn nhỏ trên khắp cả nước, tiêu biểu như Khu chế xuất Tân Thuận, Trung tâm thương mại DAEHA, Tháp Hà Nội, nhà máy ô tô Ford, nhà máy Orion Hanel, hệ thống tải điện với hàng nghìn kilômet đường dây tại vùng núi hiểm trở Tây Bắc và Việt Bắc,...

Năm 2000, Cty là đơn vị đầu tiên trong lĩnh vực xây lắp thực hiện cổ phần hoá. Mô hình cổ phần đã đem lại cho tập thể CBCNV Cty một động lực mới, góp phần xây dựng nhiều công trình có giá trị kinh tế - xã hội cao như Khu đô thị mới Linh Đàm, nhà ga T1 Nội Bài, Đài tiếng nói Việt Nam, nhà máy xi măng Nghi Sơn, KCN Suối Dầu,...

Từ những thành công sau 5 năm cổ phần hoá, Cty đã tổ chức lại theo mô hình Cty mẹ - con, chuyển từ khoán việc sang đầu tư tài chính. Đến nay Cty mẹ đã có 9 Cty thành viên với các ngành nghề kinh doanh riêng, không cạnh tranh nội bộ, được Cty mẹ đầu tư 30-50% vốn điều lệ. Sự đột phá về mô hình tổ chức và sự trưởng thành theo mô hình cổ phần đã góp phần quan trọng đào tạo được đội ngũ nhân lực lãnh đạo giỏi cả quản lý và chuyên môn.

Từ ngày thành lập Cty đến nay, quy mô hoạt động cùng với bộ máy tổ chức của Cty ngày một lớn mạnh. Nếu những năm 90, lực lượng CBCNV chỉ hơn 200 người thì đến nay tổng số CBCNV hợp đồng lao động dài hạn xấp xỉ 800 người, tương ứng với sự gia tăng các công trình; đội ngũ chuyên viên, thạc sỹ, kỹ sư, kỹ thuật viên đạt gần 600 người trong đó 80% là những người có nhiều kinh nghiệm đã trải qua đào tạo thực tế tại nhiều nước, tạo việc làm ổn định cho 5.000 công nhân xây dựng.

So sánh kết quả SXKD sau 10 năm hoạt động theo mô hình Cty cổ phần và Cty mẹ - con cho thấy sự phát triển vượt bậc của Cty. Giá trị SXKD năm 2000 đạt 112 tỷ đồng, năm 2009 là 1.600 tỷ. Doanh thu năm 2000 đạt 69 tỷ đồng, năm 2009 là 1.132 tỷ. Nộp ngân sách năm 2000 đạt 3,6 tỷ đồng, năm 2009 là 125 tỷ. Lợi nhuận năm 2000 đạt 0,271 tỷ đồng, năm 2009 là 87 tỷ. Lao động năm 2000 là 400 người, năm 2009 là trên 5.000 người.

Với sự tăng trưởng mạnh cả về nhân lực và tài chính, Cty đã có sự phát triển ổn định và bền vững. Cty đã và đang mở ra hàng loạt dự án phát triển đô thị với quy mô từ vài trăm tỷ đến hàng nghìn tỷ đồng trên khắp mọi miền đất nước như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Long An,... Nhiều dự án khu đô thị, KCN và các chung cư cao tầng đã và đang được Cty triển khai thực hiện.

Đặc biệt Cty đã đầu tư một nhà máy chế tạo kết cấu thép nhà cao tầng, từng bước ứng dụng công nghệ mới vào lĩnh vực xây dựng



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu tại buổi Lễ

nhà cao tầng. Đây có thể xem như một bước đột phá mới về công nghệ sau đột phá về mô hình tổ chức. Với việc làm này Cty được đánh giá là một trong những đơn vị tiên phong của ngành Xây dựng Việt Nam với việc áp dụng công nghệ mới để sản xuất cấu kiện thép hình cung cấp cho xây dựng nhà cao tầng. Với việc mạnh dạn đầu tư sản xuất kết cấu thép được tạo hình sẵn, Cty góp phần cùng ngành Xây dựng phấn đấu đạt được những chỉ tiêu Chính phủ đã đề ra trong chương trình phát triển nhà ở Việt Nam.

Với những thành tích to lớn đã đạt được, tập thể CBCNV Cty đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam,...

Tại Lễ kỷ niệm thay mặt Đảng và Nhà nước, Phó Chủ tịch Nước Nguyễn Thị Doan đã trao Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Cty, ghi nhận những đóng góp của Cty cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, Huân chương Lao động hạng Ba cho Cty Cổ phần Lắp máy điện nước và xây dựng số 1 thuộc Cty.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân ghi nhận và nhiệt liệt biểu dương những thành tích cùng với sự trưởng thành và phát triển của Cty. Trong 10 năm trở lại đây, Cty đã có những bước phát triển vượt bậc thể hiện

qua việc giá trị SXKD, doanh thu, lợi nhuận đều tăng cao đặc biệt là cổ tức. Bộ trưởng cũng lưu ý ban lãnh đạo Cty về tình hình thị trường xây dựng còn nhiều khắc nghiệt bởi quy luật cạnh tranh trong cơ chế của thị trường, do đó Cty cần quan tâm nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát huy hiệu quả của mô hình Cty mẹ - con để giải quyết vấn đề phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu đồng thời với việc chăm lo đội ngũ lao động và giữ vững thương hiệu.

Với những thành tích đã đạt được Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Cty Cổ phần Lắp máy

điện nước và xây dựng tin tưởng sẽ có những bước tiến vượt bậc trong tương lai.

Từ một đội sản xuất nhỏ bé trong quá khứ trải qua chặng đường dài 35 năm xây dựng và trưởng thành, đến nay Cty đã trở thành tổ hợp các nhà thầu cùng nhau xây dựng và phát triển dưới một thương hiệu Cty Cổ phần Lắp máy điện nước và xây dựng (COWAELMIC) và vững bước vào giai đoạn phấn đấu mới với những triển vọng tốt đẹp.

Huỳnh Phước

Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm Phong trào người Phụ nữ "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" (2005-2009)

Ngày 23/6/2010, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm Phong trào người Phụ nữ "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" (2005 -2009) của Tập thể nữ công nhân viên chức - lao động cơ quan Bộ Xây dựng. Tới dự có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Thị Yên, Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng Trương Thị Bích Hà, Ban Nữ công Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng, lãnh đạo các tổ chức công đoàn trực thuộc Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng và toàn thể nữ CNVC - LĐ cơ quan Bộ Xây dựng.

Hội nghị đã nghe Ban Nữ công Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng trình bày Báo cáo tổng kết 05 năm Phong trào người Phụ nữ "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" của Tập thể nữ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng. Báo cáo đã nêu rõ, trong 05 năm qua, nữ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng đã tích cực hưởng ứng phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà" do Tổng Liên đoàn LĐVN phát động, gắn với Phong trào CNVC-LĐ ngành Xây dựng "Vượt khó, học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc", Phong trào



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội nghị

"Xanh, sạch, đẹp", Phong trào "Chống tham nhũng, lãng phí, phòng chống tệ nạn xã hội" do Công đoàn XĐVN phát động, Phong trào "Người mẹ có con ngoan, học giỏi" do Công đoàn Cơ quan Bộ phát động. Các phong trào nói trên đã được triển khai rộng trong nhiều năm, với nhiều hình thức và nội dung đa dạng, phong phú đã thực sự lôi cuốn nữ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng, đem lại hiệu quả thiết thực được các cấp lãnh đạo ghi nhận và đánh giá cao.

Trong các lĩnh vực chuyên môn về quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, nghiên cứu

khoa học, đội ngũ nữ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng đã không ngừng học tập, nâng cao chất lượng công tác, ngày càng có nhiều chị em được giao trọng trách quản lý trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng... đã góp phần tích cực để Bộ Xây dựng hoàn thành các nhiệm vụ chính trị thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong 05 năm từ 2005 đến nay, đã có 09 chị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, 23 chị được nhận Bằng khen Chính phủ, 66 chị được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Ngành và 62 chị được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã thay mặt Ban Cán sự và lãnh đạo Bộ Xây dựng biểu dương và đánh giá cao những thành tích của nữ cán bộ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng. Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, nữ cán bộ CNVC-LĐ trong cơ quan Bộ Xây dựng có vai trò rất quan trọng, không

chỉ trong các công tác hàng ngày, mà còn giữ nhiều vị trí lãnh đạo, gánh vác nhiều nhiệm vụ khó khăn, đóng góp rất hiệu quả cho công việc của cơ quan. Ngoài công việc cơ quan, chị em còn phải đảm nhiệm các công việc không kém phần vất vả ở gia đình, đó là chăm lo cho gia đình, nuôi dạy con cái, giữ gìn gia đình hạnh phúc... Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng đề nghị lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ cần quan tâm hơn nữa đến lực lượng lao động nữ, hết sức tạo điều kiện thuận lợi để chị em được học tập, nâng cao trình độ để cống hiến và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của đơn vị nói riêng và của ngành Xây dựng nói chung.

Tại Hội nghị tổng kết đã có 12 tập thể và 28 cá nhân nữ CNVC-LĐ có thành tích xuất sắc được Công đoàn XĐVN tặng Bằng khen.

Minh Tuấn

Những tồn tại, thách thức trong công tác quy hoạch phát triển, quản lý sử dụng đất đô thị hiện nay

Về bản chất phát triển đô thị là quá trình đầu tư, phát triển đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai thác hợp lý và quản lý đất đai đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội của dân cư đô thị theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Quy hoạch và quản lý sử dụng đất đô thị là một trong những nội dung chủ yếu nhất, quan trọng nhất của hoạt động xây dựng và phát triển đô thị Việt Nam từ trước đến nay.

Tốc độ đô thị hoá nhanh chóng trong thời gian 15 năm gần đây đang đặt ra những vấn đề bức xúc đối với việc quản lý phát triển đô thị ở nước ta, đặc biệt là vấn đề quản lý đất đô thị, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đất nước và hội nhập quốc tế. Nguyên nhân của thực trạng trên, bên cạnh những bất cập của công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng;

thị trường bất động sản; năng lực quản lý quy hoạch, bảo vệ tài nguyên, môi trường,... vấn đề nhận thức về đất đô thị, quản lý sử dụng đất đô thị theo quy hoạch và pháp luật còn nhiều nội dung cần được mổ xẻ, phân tích thấu đáo làm cơ sở xác định giải pháp hiệu quả cho công tác quản lý đất đô thị hiện nay.

1. Những đặc điểm chủ yếu của đất đô thị

"Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng" (Luật Đất đai 1993).

Mặc dù được thay thế bởi Luật Đất đai năm 2003, tính chất của đất đô thị vẫn còn nguyên giá trị nêu trên, do có đặc điểm riêng không giống với bất cứ loại đất khác trên lãnh thổ nước ta gồm:

- Đất đô thị là không gian để tổ chức thực hiện mọi hoạt động của con người và cộng đồng gồm: ở (sinh hoạt) - Lao động sản xuất. Kinh doanh - Đi lại, giao tiếp xã hội - Nghỉ ngơi giải trí về thể và chất và tinh thần. Con người, cộng đồng xã hội đòi hỏi vị trí, qui mô đất thích hợp để thực hiện các hoạt động trên.

- Đất đô thị được phân thành các loại theo mục đích sử dụng đất, bao gồm:

i) Đất sử dụng mục đích dân dụng (dân cư) là đất ở; đất phục vụ công cộng, đất cây xanh, đất giao thông và các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thường chiếm tỷ trọng cao trong tổng quỹ đất đô thị (50 - 80% tùy thuộc vào quy mô, tính chất và vị trí địa lý của từng đô thị).

ii) Đất sử dụng mục đích ngoài dân dụng bao gồm đất công nghiệp kho bãi, các trung tâm chuyên ngành, đất giao thông đối ngoại, cơ quan ngoài đô thị, đất an ninh quốc phòng, đất chuyên dùng khác, đất chưa sử dụng và các loại đất khác.

- Đất phải được trang bị cơ sở hạ tầng khi chuyển đổi mục đích sử dụng phục vụ hoạt động của dân cư đô thị. Việc chuyển đổi mục đích xây dựng, quản lý sử dụng đất đô thị phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt (Quy hoạch xây dựng, qui hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch khác liên quan...).

- Đất đô thị gắn với nhà và kết cấu hạ tầng là một loại BĐS, là tài sản có giá trị đặc biệt, đối tượng chủ yếu trong thị trường BĐS. Giá trị của đất đô thị gồm giá trị vật chất và phi vật chất phụ thuộc vào khả năng sinh lời do vị trí đất đem lại, mức độ trang bị cơ sở hạ tầng, giá trị sử dụng hoặc chức năng, mục đích sử dụng theo quy hoạch đô thị được duyệt và giá trị tinh thần, văn hoá, xã hội đô thị.

2. Tồn tại, thách thức trong công tác quy hoạch phát triển, quản lý sử dụng đất đô thị hiện nay

Quy hoạch phát triển, quản lý sử dụng đất đô thị đang và sẽ đối mặt với các thách thức sau:

- Thứ nhất: Nhu cầu sử dụng đất phát triển

đô thị tăng nhanh theo tốc độ đô thị hoá: trong 10 năm, từ 1998 - 2009, cả nước tăng gần 120 đô thị (635 đô thị năm 1998 lên 754 đô thị năm 2009), tỉ lệ đô thị hoá cả nước là 29,6% với 25,4 triệu người sống ở đô thị. Về đất xây dựng đô thị năm 2005 là khoảng 325.200 ha, bình quân 145m²/người; tính đến ngày 1/1/2008 diện tích đất đô thị của Việt Nam, gồm cả đất xây dựng đô thị có hơn 1.429.000 ha, chiếm 4,32% tổng diện tích đất tự nhiên của cả nước, tăng hơn 438.700 ha so với năm 2000, bình quân 595m²/người (thống kê của Bộ Tài nguyên & Môi trường). Với đà trên, đến năm 2025 đất xây dựng đô thị sẽ phát triển vượt mức qui định tại Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050. Với tổng số đô thị cả nước khoảng 1000 đô thị nhu cầu đất xây dựng đô thị khoảng 450.000 ha, chiếm 1,4% diện tích tự nhiên cả nước, trung bình 85m²/người.

- Thứ hai: Thực trạng cạn kiệt quỹ đất phục vụ xây dựng đô thị do khai thác quá mức, hoặc lãng phí, đang hiện hữu ở nhiều địa phương và cả nước. Theo đánh giá thì quỹ đất thuận lợi để phát triển đô thị ở nước ta chiếm khoảng dưới 30% đất tự nhiên, trong khi khả năng dung nạp ở mỗi vùng lại rất hạn chế và khác nhau từ 73 - 613 người/km², tùy theo các điều kiện tự nhiên sinh thái mỗi vùng.

Mặt khác quỹ đất phát triển đô thị sẽ bị ảnh hưởng nặng nề của hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng: 5% diện tích cả nước bị ngập nước và 23% dân cư thiếu đất (dự báo của Bộ Tài nguyên & Môi trường).

- Thứ ba: Tình trạng sử dụng đất đô thị kém hiệu quả còn phổ biến, chưa được xử lý. Theo Bộ Tài nguyên & Môi trường, tính đến ngày 1/1/2008 diện tích đất đô thị Việt Nam có hơn 1.429.000 ha chiếm 4,32% tổng diện tích đất tự nhiên của cả nước, trong đó vẫn còn hơn 86.000 ha (chiếm 6%). Không gian trên không và không gian ngầm đất đô thị chưa được quan tâm khai thác và sử dụng hiệu quả trong khi bình quân đất đô thị trên đầu người rất cao so

với định mức được cấp thẩm quyền phê duyệt: Năm 2005 là 145m²/người, vượt định mức tại QĐ 10/1998/QĐ-TTg ngày 23/01/1998 phê duyệt định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2020 (80m²/người); theo thống kê của Bộ Tài nguyên & Môi trường thì bình quân đất đô thị năm 2008 là 559m²/người, trong khi hệ số sử dụng đất đô thị chưa đến 1,0.

Tỷ lệ các loại đất đô thị còn bất hợp lý, quỹ đất dành cho mục đích công cộng thấp và bị lấn chiếm, vi phạm dưới mọi hình thức trong quy hoạch, quản lý quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.

Phần lớn quỹ đất dành để phát triển đô thị, đặc biệt là tại các khu đô thị mới chưa được trang bị cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội khi chuyển giao khai thác, sử dụng. Tại các phố cũ, phố cổ, các đô thị lớn tuy có cơ sở hạ tầng, nhưng lại rất yếu kém và đang xuống cấp và quá tải rất nghiêm trọng trong khi chính quyền đô thị các cấp vẫn cho phép chất tải với những dự án cải tạo, nâng cấp hoặc phát triển mới, nâng tầng các khu chung cư...

- Thứ tư: Thiếu nhất quán trong nhận thức về đất đô thị, quản lý đất đô thị đã đưa đến tình trạng qui định phân tán, thiếu hệ thống vừa chông chéo của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý phát triển, sử dụng đất và quản lý quy hoạch đô thị

- Luật Đất đai năm 1993 đã có những quy định về quản lý sử dụng phù hợp với đặc thù đất đô thị. Tuy nhiên Luật Đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/CP đã bãi bỏ và qui định về loại đất, coi việc quản lý sử dụng đất đô thị như các loại đất khác.

- Mặc dù đất đai là tiền đề, nền tảng của hoạt động quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị như đã nêu trên, Luật xây dựng năm 2003, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, các Nghị định hướng dẫn Luật đã có những qui định vừa không đồng hành với các qui định liên quan của Luật Đất đai năm 2003, vừa thiếu những qui định gắn với đặc điểm nêu trên của đất đô thị,

cụ thể về:

i) Loại đất "Đất đô thị là đất nội thành phố, đất nội thị xã và đất thị trấn; đất xây dựng đô thị là đất xây dựng các khu chức năng đô thị (bao gồm cả các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị). Đất dự phòng phát triển, đất nông lâm nghiệp trong đô thị và các loại đất không phục vụ cho hoạt động của các chức năng đô thị không phải là đất xây dựng đô thị" (Quy chuẩn QHXD năm 2008).

ii) Nội dung về sử dụng đất đai được qui định mờ nhạt, chưa phù hợp với bản chất của công tác quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị "xác định tổng mặt bằng sử dụng đất của đô thị theo qui mô dân số của từng giai đoạn quy hoạch" (Điều 20- Nội dung quy hoạch chung xây dựng đô thị).

iii) Về trình tự, thời gian, thẩm quyền, nội dung lập, xét duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, thời hạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, chế tài xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quy hoạch xây dựng, khai thác, sử dụng công trình hạ tầng đô thị có một số qui định chưa thống nhất với Luật đất đai 2003,....

Bên cạnh đó, mặc dù các luật liên quan như Luật Kinh doanh BĐS, Luật Nhà ở đã có những qui định bổ sung, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhất thể hoá, hệ thống hoá và thống nhất các qui định quản lý quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phát triển đô thị phù hợp với loại đất đặc thù này.

- Thứ năm: Năng lực quản lý nhà nước về đô thị không theo kịp yêu cầu quản lý xây dựng và phát triển đô thị, quản lý đất đô thị trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi, dẫn đến hiện tượng "người khổng lồ trên đôi chân đất sét" của tiến trình đô thị hoá mà một số nước đang đổi mới; quỹ đất ngày càng bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích trong tiến trình đô thị hoá, công nghiệp hoá.

TS. KTS. Lê Trọng Bình

Tham luận tại Hội thảo "Phát triển nguồn nhân lực tham gia thị trường BĐS" tháng 5-2010

Chính sách phát triển ngành nhà ở khu vực huyện của Trung Quốc

Nhà ở là nhu cầu khách quan của xã hội, là tài sản kinh tế có giá trị. Do số lượng người có nhu cầu nhà ở khá lớn, yêu cầu về loại hình nhà ở cũng “muôn hình vạn trạng”, nên trong công tác xây dựng có hạn chế rõ rệt về đối tượng và yêu cầu kỹ thuật nhất định.

Hiện nay, cùng với tiến trình đô thị hoá đang tăng nhanh, kinh tế xã hội không ngừng phát triển, kết cấu xã hội đang từng bước được kiện toàn nên nhu cầu về số lượng nhà ở cũng tăng mạnh, bên cạnh đó, mức độ sinh hoạt ngày càng được nâng cao nên người dân yêu cầu cao hơn về chức năng và chất lượng nhà ở, đây là động lực chính thúc đẩy ngành nhà ở phát triển. Lĩnh vực phát triển nhà ở đóng vai trò chủ đạo và ngày càng phát huy vai trò quan trọng của nó trong việc thúc đẩy tiến trình đô thị hoá và kinh tế khu vực huyện phát triển. Nhưng cũng có thể thấy, sự phát triển của ngành nhà ở khu vực huyện cũng đã xuất hiện một số vấn đề và mâu thuẫn gây ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của ngành nhà ở.

1. Hiện trạng phát triển ngành nhà ở khu vực huyện

Từ lâu, công tác cải cách chế độ nhà ở của Trung Quốc được tiến hành theo xu hướng thị trường. Để đi sâu cải cách chế độ nhà ở đô thị, năm 1998, Trung Quốc đã ban hành “Thông báo về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng nhà ở, cải cách chế độ nhà ở đô thị”, quyết định chấm dứt chế độ phân phối nhà ở, từng bước thực hiện phân phối bằng tiền mặt, xây dựng chế độ cung ứng nhà ở mới. Dưới chủ trương chính sách mới, hoạt động đầu tư nhà ở thương mại khu vực đô thị trở nên nhộn nhịp, hàng năm sản lượng nhà ở hoàn thành tăng mạnh. Đặc biệt từ sau năm 2001, sau khi chính quyền các đô thị đề ra khẩu hiệu xây dựng đô thị đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động

đầu tư xây dựng nhà ở khu vực huyện. Theo thống kê trước năm 2001, lượng nhà ở khu vực huyện chỉ từ 100.000 đến 200.000 m², nhưng từ sau năm 2001, lượng nhà ở đạt từ 400.000 – 600.000 m², khu nhà ở cũng dần phát triển từ nhu cầu chức năng cư trú lên thành nhu cầu kết hợp chức năng cư trú, nghỉ ngơi và giải trí, đẳng cấp đầu tư cũng từng bước được nâng cao, từ nhà nhiều tầng, chung cư hạng phổ thông đến nhà cao tầng, biệt thự cao cấp. Song song với hoạt động đầu tư kinh doanh nhà ở thương phẩm sôi nổi trên thị trường thì chính quyền các huyện cũng đang tích cực đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống bảo đảm nhà ở, điều chỉnh hợp lý kết cấu cung ứng nhà ở, dẫn dắt thị trường tiêu dùng nhà ở, thực hiện chế độ nhà ở phù hợp kinh tế, nhà cho thuê giá rẻ và sử dụng nhà thương phẩm, đồng thời áp dụng các hình thức hỗ trợ bằng tiền mặt, từng bước hoàn thiện hệ thống cung ứng nhà ở với nhà ở thương phẩm hạng phổ thông là chủ thể. Cho đến cuối năm 2008, diện tích nhà ở bình quân của mỗi người dân đô thị đạt 28m², trên tổng thể đã đạt đến trình độ xã hội lành mạnh.

2. Vấn đề tồn tại

2.1. Hệ thống dịch vụ công cộng và công trình công cộng thiếu đồng bộ

Hệ thống xây dựng và dịch vụ công cộng chưa hoàn thiện là nhược điểm lớn nhất trong ngành nhà ở khu vực huyện, rất nhiều các khu nhà ở mới đầu tư xây dựng thiếu hệ thống hạ tầng phục vụ sinh hoạt như khu thương mại, giáo dục, y tế, bưu chính, giải trí, mua bán thực phẩm.

2.2. Hàm lượng kỹ thuật thấp

Năm 1999, Văn phòng Chính phủ Trung Quốc có văn bản gửi cho các Bộ ngành trong đó có Bộ Xây dựng “Ý kiến về việc nâng cao chất lượng nhà ở và đẩy mạnh tiến trình hiện đại hoá ngành nhà ở”, trong đó có đưa ra yêu

cầu các Bộ ngành cần đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, khuyến khích đổi mới kỹ thuật, chú trọng kỹ thuật. Tích cực đầu tư và sử dụng vật liệu mới, kỹ thuật mới, thiết bị mới, công nghệ mới, nâng cao hiệu quả ứng dụng thành quả khoa học kỹ thuật, sử dụng tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng nhà ở để thúc đẩy các lĩnh vực xây dựng liên quan phát triển, đồng thời giải quyết bài toán về chất lượng, chức năng của công trình nhà ở, bước đầu thiết lập hệ thống sản xuất công nghiệp hoá và tiêu chuẩn hoá nhà ở, vật liệu, yêu cầu đặt ra là tiến bộ khoa học phải đóng góp 30% cho sự phát triển của ngành nhà ở. Hiện nay khoa học kỹ thuật đã tạo ra nhiều thành quả đáng khích lệ: như hệ thống thông gió mới, hệ thống hút bụi tổng, hệ thống khoá cửa an toàn bằng vân tay, hệ thống tường cách âm, cách nhiệt có thể giảm tới thiểu 45% mức tiêu thụ năng lượng... Nhưng hiện nay những tiến bộ khoa học này chưa được ứng dụng vào trong thực tế xây dựng nhà ở khu vực huyện.

2.3. Chất lượng nội thất, công năng nghèo nàn

Qua nhiều năm nỗ lực phấn đấu, thiết kế ngoại thất nhà ở khu vực huyện về cơ bản không khác biệt nhiều so với thiết kế nhà ở của các đô thị lớn, thậm chí kiểu dáng thiết kế ngoại thất của một số tiểu khu có thể so sánh với thiết kế của các nước phát triển. Nhưng bên cạnh đó, chất lượng thiết kế nội thất còn thể hiện rất nhiều bất cập, như hiệu quả cách âm, cách nhiệt kém, cửa sổ không kín gió, đường ống xuống cấp nhanh chóng, tầng mái vẫn có hiện tượng dột... ngay cả nhà cao tầng đánh giá chung cũng chỉ được coi là nhà xây thô, người tiêu dùng sau khi mua nhà phải tự hoàn thiện lại nội thất. Nâng cao công năng trong nhà ở thể hiện phần lớn chất lượng và trình độ phân phối sản phẩm, thay thế phương thức trang trí rời rạc bằng trang trí tổng thể là một biểu hiện rõ rệt trong trang trí nhà ở, việc này chủ yếu thể hiện

trong việc gia công chế tác các thiết bị phụ kiện và công nghệ lắp đặt chúng. Trang trí nội thất được chia thành 3 loại: một là, các cấu kiện hình thành nên bộ khung nhà, như kết cấu, cầu thang, cửa sổ, sàn, tường trong; hai là, các trang thiết bị trong nhà như hệ thống điều hòa, điện, sưởi, chiếu sáng, thiết bị vệ sinh, nhà bếp, hệ thống sử dụng nguồn năng lượng mới; ba là, các phụ kiện ngoại thất liên quan mật thiết tới sinh hoạt, như hệ thống bãi đỗ xe, xử lý rác, khu vực thể thao.

2.4. Cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện

Bất kể là xây dựng nhà ở khu vực thành phố vừa và lớn, hay khu vực huyện đều phải phụ thuộc vào việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng. Hệ thống cơ sở hạ tầng kiện toàn là cơ sở để tạo nên môi trường sống thoải mái, an toàn và tiện lợi, người dân mới có thể an cư lập nghiệp. Nhưng do năng lực tài chính của chính quyền cấp huyện còn hạn chế, kênh huy động vốn nhỏ hẹp, vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lại rất lớn cho nên khi đầu tư xây dựng nhà ở khu vực huyện thường gặp khó khăn do cơ sở hạ tầng yếu kém, gây ảnh hưởng đến giá trị nhà đất và sức mua của khách hàng ngoài khu vực.

3. Kiến nghị

3.1. Phát huy vai trò dẫn đầu của quy hoạch đô thị trong xây dựng đô thị

Chính quyền cần căn cứ vào yêu cầu về xây dựng xã hội chủ nghĩa, kiên trì quan điểm phát triển khoa học, nâng cao trình độ quy hoạch đô thị, phát huy tối đa vai trò của quy hoạch đô thị đối với phát triển kinh tế xã hội đô thị, vai trò điều chỉnh vĩ mô đối với phát triển đô thị nhằm từng bước xúc tiến thị trường nhà đất phát triển bền vững.

3.2. Tăng cường công tác quản lý và phê duyệt phương án xây dựng nhà ở

Phát triển đô thị phải tuân thủ trình tự thực hiện, nhưng các nhà đầu tư vì lợi ích trước mắt nên khi lập phương án quy hoạch thường cắt giảm các hạng mục công trình công cộng, hơn

nữa khi xây dựng lại tự ý thay đổi mục đích của các công trình này khiến cho hệ thống công trình công cộng không hoàn chỉnh. Để ngăn chặn vấn đề này, chính quyền và cơ quan chức năng cần nghiêm khắc trong việc phê duyệt thiết kế quy hoạch, trong quá trình xây dựng cần thành lập các tổ giám sát quản lý công trình, thường xuyên kiểm tra đốc thúc, đảm bảo phương án nhà đất được thực hiện chuẩn xác.

3.3. Quan sát hiện trạng, nâng cao chức năng nhà ở

Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, mức độ đời sống của người dân được nâng cao thì người dân đủ khả năng mua một căn hộ với đầy đủ chức năng. Những khu nhà có hệ thống dịch vụ công cộng hoàn chỉnh, giao thông thuận lợi sẽ rất được chào đón, không cần phải quảng cáo, cũng không cần tiếp thị, thậm chí người dân muốn mua một căn thì phải thông qua mối quan hệ cá nhân mới mong giành được một suất. Thực tế, nhu cầu về nhà ở quá lớn đã khiến cho nhiều nhà đầu tư trở nên lười biếng, ít chú trọng đến chức năng của ngôi nhà.

Cùng với hoạt động tăng cường điều chỉnh vĩ mô của chính quyền Trung Quốc, người tiêu dùng đã bắt đầu nhìn nhận và đánh giá lại thị trường nhà đất. Ở một số đô thị lớn, các nhà đầu tư đã bắt đầu bớt kiêu ngạo, bắt đầu chú ý đến chất lượng nội thất căn nhà. Thực ra khi thị trường trong nước vẫn còn sôi động thì rất ít nhà đầu tư chịu bỏ thêm khoản đầu tư kỹ thuật công nghệ tiến bộ vốn đã được ứng dụng tương đối phổ biến ở nước ngoài. Nhưng trong tình hình hiện nay, nhà đầu tư cần phải thay đổi quan điểm, phải chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng và tiện nghi nhà ở.

3.4. Chính quyền cần tăng cường điều tiết vĩ mô, thông qua nhiều kênh để huy động vốn xây dựng cơ sở hạ tầng

Chính quyền cần đi sâu cải cách thể chế đầu tư xây dựng đô thị, cải cách phương thức đầu tư xây dựng đô thị, mở rộng kênh huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và công

trình thị chính. Ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, chính quyền nên tích cực huy động các nguồn vốn đầu tư bên ngoài. đồng thời tính toán hợp lý giá cả sản phẩm và dịch vụ công cộng đô thị, căn cứ vào đặc điểm ngành nghề, trên cơ sở đó tiến hành phân loại, từng bước tiến hành cải cách nhằm đưa ra mức giá hợp lý, giảm bớt tổn thất, từng bước chuyển đổi công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và phục vụ công cộng từ mô hình phúc lợi, cung cấp sang mô hình kinh doanh, phục vụ, thực hiện mục tiêu xây dựng tuần hoàn.

3.5. Khuyến khích các doanh nghiệp xuất sắc đi theo con đường công nghiệp hoá nhà ở

Giai đoạn phát triển cao độ của ngành nhà đất trong bối cảnh nhà ở đóng vai trò chủ đạo là công nghiệp hoá nhà ở. Công nghiệp hoá nhà ở là một vấn đề xã hội, nếu không có sự chỉ đạo và điều tiết của nhà nước thì sẽ rất khó thực hiện. Trong thời kỳ đầu công nghiệp hoá nhà ở, chính quyền hỗ trợ các doanh nghiệp xuất sắc về mặt chính sách, vốn, thuế thu... dẫn dắt các doanh nghiệp này chuyển từ mô hình quảng canh trước đây sang mô hình thâm canh, đưa công tác xây dựng nhà ở bước vào con đường phát triển với hàm lượng khoa học cao, hiệu quả kinh tế cao, tiêu hao tài nguyên thấp, phát huy tối đa vai trò con người.

Tóm lại, nhà ở là sản phẩm chủ lực của ngành nhà đất, việc phát triển nhà ở khu vực huyện ngày càng thể hiện vai trò tích cực của nó đối với tăng trưởng kinh tế quốc dân. Do đó, việc nâng cao chất lượng nhà ở, giảm chi phí xây dựng nhà ở, tăng cường đổi mới và ứng dụng khoa học kỹ thuật tiến bộ, đẩy mạnh tiến trình hiện đại hoá ngành nhà ở là xu thế phát triển tất yếu của ngành nhà ở.

Vương Lôi – Lã Anh Mỹ

Nguồn: T/c xây dựng đô thị - nông thôn TQ

số 1/2010

ND: Hoàng Đại Hải

Các tỉnh phía Tây Trung Quốc trên đà phát triển mạnh mẽ

Trải qua 30 năm cải cách, mở cửa, công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn của tỉnh Tứ Xuyên đã phát triển từ không tới có, từ nhỏ tới lớn, từ yếu đến mạnh, đóng góp to lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh.

I. Ngành Xây dựng phát triển mạnh mẽ

Từ khi thành lập nhà nước Trung Hoa mới đến nay (1949), 60 năm qua, tỉnh Tứ Xuyên kiên trì đẩy mạnh công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn và đã giành được những thành tựu đáng kinh ngạc, bộ mặt đô thị, nông thôn biến đổi từng ngày.

1. Quy hoạch đô thị và nông thôn phát triển nhanh chóng, công cuộc xây dựng các thị trấn được đẩy mạnh.

Tỉnh Tứ Xuyên đã ban hành nhiều quy chế, quy định về quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn như : “Biện pháp thực hiện Luật quy hoạch đô thị của tỉnh Tứ Xuyên”, “Biện pháp quản lý quy hoạch đô thị chi tiết mang tính điều tiết của tỉnh Tứ Xuyên”, “Điều lệ quản lý quy hoạch xây dựng thị trấn nông thôn tỉnh Tứ Xuyên”, “Biện pháp thí điểm phái giám sát viên quy hoạch đô thị thường trú của tỉnh Tứ Xuyên”, “Quy định xử phạt hành vi vi phạm quy hoạch đô thị và nông thôn tỉnh Tứ Xuyên”..., tăng cường công tác quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, đã giúp cho công tác quy hoạch đô thị và nông thôn toàn tỉnh đi vào pháp chế hóa, quy phạm hóa. Đề ra và hoàn thành quy hoạch hệ thống thành phố, thị trấn của tỉnh Tứ Xuyên, tích cực triển khai soạn thảo quy hoạch chi tiết thị trấn như khu vực phát triển thị trấn Phan Tây, khu vực quần thể thị trấn Xuyên Nam..., hoàn thành toàn diện công tác quy hoạch tổng thể đô thị mới và quy hoạch xây dựng ngắn hạn các huyện thị, tỷ lệ phổ cập bình quân của quy hoạch đô thị chi tiết mang tính điều tiết đạt trên 80%, một số thành phố phổ cập toàn diện quy

hoạch đô thị chi tiết. Đại bộ phận các thị trấn trong toàn tỉnh đã hoàn thành quy hoạch tổng thể thị trấn, một số thị trấn nông thôn đang tiến hành sửa đổi quy hoạch tổng thể.

Công tác xây dựng hệ thống đô thị không ngừng tiến triển nhanh chóng. Năm 1978, toàn tỉnh Tứ Xuyên chỉ có 10 thành phố, hiện nay đã tăng lên tới 32 thành phố, hơn 1.000 thị trấn, hệ thống đô thị và bố cục không gian ngày càng hợp lý. Toàn tỉnh xây dựng hệ thống đô thị gồm 01 đô thị cực lớn là thành phố Thành Đô (thủ phủ của tỉnh), 4 đô thị lớn gồm Miên Dương, Phan Chi Hoa, Tự Cống và Nam Sung, 27 đô thị vừa và nhỏ, 1865 thị trấn nhỏ, bước đầu hình thành bốn quần thể đô thị lớn Bình Nguyên Thành Đô, Xuyên Nam, Phan Tây và Xuyên Đông. Mức độ đô thị hóa toàn tỉnh từ 8,5% năm 1978 tăng lên 37,4% cuối năm 2008, dân số đô thị toàn tỉnh lên tới 30,436 triệu người, diện tích đô thị đạt 3.500 km². Theo thống kê, trên 70% tổng thu nhập quốc nội (GDP) của toàn tỉnh do các cấp thành phố, thị trấn trong tỉnh tạo nên, các thành phố, thị trấn đã trở thành lực lượng phát triển kinh tế xã hội chủ yếu của tỉnh.

2. Hệ thống công trình hạ tầng không ngừng hoàn thiện, chức năng đô thị được tăng cường rõ rệt.

Cuối năm 2008, năng lực cung cấp nước sạch đô thị toàn tỉnh Tứ Xuyên đạt 10,3664 triệu m³/ngày, tổng lượng nước sạch cung cấp hàng năm gần 2,148 tỷ m³, lượng nước sinh hoạt bình quân đầu người mỗi ngày là 174,27 lít, tỷ lệ phổ cập nước máy là 93,9%, đường ống thoát nước thải đô thị dài 17,1 nghìn km, lượng xử lý nước thải đô thị đạt 812 triệu m³, tỷ lệ xử lý đạt 61,24%. Tỉnh Tứ Xuyên có 3.734 máy vệ sinh môi trường, 5.533 nhà vệ sinh công cộng đô thị, diện tích đường đô thị được quét mỗi năm đạt 166 triệu m², 44 nhà máy xử lý không

độc hại rác thải đô thị, tổng lượng xử lý là 4,9427 triệu tấn, về cơ bản các đô thị lớn và vừa đều được quét dọn hàng ngày, tỷ lệ xử lý không độc hại rác thải sinh hoạt đô thị đạt 80,63%.

Cuối năm 2008, tỉnh Tứ Xuyên có 12,8 nghìn km đường đô thị, 2.222 cầu đô thị, diện tích đường đô thị bình quân đầu người đạt 9,58 m². Xe buýt công cộng đô thị toàn tỉnh có 16,1 nghìn chiếc, tổng lượng chuyên chở khách là 4,5 tỷ lượt người, 37,1 nghìn ô tô cho thuê, lắp đặt 976 nghìn đèn đường. Nguồn tài nguyên khí đốt tự nhiên Tứ Xuyên rất dồi dào. Cuối năm 2008, tổng lượng khí đốt tự nhiên sử dụng trong các gia đình đô thị tỉnh Tứ Xuyên đạt 1,8 tỷ mét khối, lượng sử dụng gas trong gia đình là 65 triệu mét khối. Toàn thành phố có 5,29 triệu hộ, 17,16 triệu người sử dụng khí đốt, tỷ lệ phổ cập khí đốt đạt 72,31%.

3. Thành tựu lớn về xây dựng nhà ở nông thôn, quan tâm đồng thời đô thị và nông thôn

Trong thời kỳ đầu xây dựng đất nước, tỉnh Tứ Xuyên đã phát động phong trào xây dựng nhà ở nông thôn và thôn trang, diện tích nhà ở nông thôn được xây dựng bình quân hàng năm đạt 10 triệu m². Năm 1954, tỉnh Tứ Xuyên có 404 thị trấn cơ chế, hơn 4.000 thị trấn nông thôn. Năm 1979, tỉnh Tứ Xuyên lại dấy lên một cao trào mới về xây dựng nhà ở nông thôn. Tới năm 1985, Tứ Xuyên đã cải tạo, xây dựng mới 300 triệu m² nhà ở nông thôn, gần 10% nông dân được ở nhà mới. Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ VIII, các thị trấn nông thôn toàn tỉnh đã cải tạo, mở rộng và xây dựng mới 480 triệu m² nhà ở, bình quân mỗi năm là 41,97 triệu m². Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ IX, tỉnh bắt đầu xuất hiện cao trào mới về xây dựng thị trấn nhỏ với tiêu chí “thị trấn nhỏ, chiến lược lớn”, hàng loạt thị trấn nhỏ trọng điểm có ảnh hưởng khu vực, thúc đẩy kinh tế xã hội nông thôn phát triển. Tính tổng cộng, toàn tỉnh xây dựng mới, cải tạo và mở rộng 480 triệu m², có 4,4314 triệu m² nông dân xây dựng mới, cải tạo hoặc mở rộng nhà ở. Từ thời kỳ kế hoạch 5

năm lần thứ X – một trong những thời kỳ tăng trưởng nhanh chóng nhất kể từ khi xây dựng đất nước tới nay, nhằm tăng cường quy hoạch xây dựng thị trấn nông thôn và cải thiện môi trường cư trú, Tứ Xuyên thiết thực triển khai xây dựng nông thôn mới. Cuối năm 2008, Tứ Xuyên có 4.054 thị trấn nhỏ, trong đó có 1.583 thị trấn cơ chế, 2.471 thị trấn nông thôn. Tiêu chuẩn xây dựng nhà ở nông thôn toàn tỉnh, diện tích và chất lượng nhà ở bình quân đầu người được nâng cao rõ rệt, diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 39,09 m²

4. Ngành nhà đất phát triển nhanh chóng, thành tích cải thiện dân sinh đạt hiệu quả cao

60 năm qua, ngành Xây dựng nhà ở và ngành Nhà đất tỉnh Tứ Xuyên phát triển nhanh chóng, quy mô doanh nghiệp nhà đất ngày càng lớn mạnh. Cuối năm 2008, toàn tỉnh có 4.465 doanh nghiệp phát triển nhà đất, 248 cơ sở định giá nhà đất, 2.300 doanh nghiệp dịch vụ nhà đất, hơn 500 nghìn nhân viên làm việc trong ngành. Đầu tư phát triển nhà đất chiếm trên 20% đầu tư tài sản cố định toàn xã hội của cả tỉnh, thúc đẩy GDP tăng trưởng 1%, tiền thuế hữu quan của ngành nhà đất chiếm 50% thu nhập thuế địa phương. Bình quân mỗi năm ngành nhà đất thu nhập 10 nghìn nhân viên. Ngành nhà đất và xây dựng nhà ở đã trở thành ngành sản xuất trụ cột quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, lực lượng chủ đạo thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Nhờ những thành tựu phát triển kinh tế, điều kiện nhà ở của cư dân thành phố và thị trấn được cải thiện nhiều. Diện tích công trình xây dựng đô thị bình quân đầu người của tỉnh từ 3,6 m² hồi đầu giải phóng đã nâng lên tới 29,8 m² năm 2008, mức độ đồng bộ nâng cao rõ rệt, tỷ lệ đồng bộ nhà ở từ 20% hồi đầu giải phóng tăng lên tới trên 90% năm 2008, môi trường cư trú được cải thiện rõ nét, dịch vụ nhà đất được xã hội hóa và chuyên nghiệp hóa đã đi sâu vào từng tiểu khu. Khó khăn về nhà ở của các gia đình ở thành phố, thị trấn có thu nhập thấp và vừa được giải quyết thiết thực.

5. Các thành phố, thị trấn danh thắng, văn hóa lịch sử được bảo tồn hiệu quả, thúc đẩy ngành du lịch phát triển mạnh mẽ

Tứ Xuyên là tỉnh có nguồn tài nguyên danh lam thắng cảnh và văn hóa lịch sử phong phú. Cuối năm 2008, toàn tỉnh có 348 điểm danh lam thắng cảnh và văn hóa lịch sử, trong đó có 90 điểm danh lam thắng cảnh được xếp hạng thế giới, nhiều di tích được đưa vào “Danh sách di sản thế giới” như núi Nga My, núi Lạc Sơn... Toàn tỉnh có 7 thành phố phong cảnh cấp nhà nước, 4 thành phố phong cảnh cấp tỉnh, 7 thành phố, 14 thị trấn và 3 vùng nông thôn văn hóa lịch sử cấp nhà nước, 26 thành phố, 38 thị trấn và 15 vùng nông thôn văn hóa lịch sử cấp tỉnh.

II. Vượt qua những thách thức mới, tiếp tục lập thành tích

Theo yêu cầu tái thiết sau thiên tai và nhanh chóng xây dựng cao nguyên phát triển kinh tế vùng phía Tây, công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn của tỉnh Tứ Xuyên đang đứng trước những điều kiện thuận lợi chưa từng có trong lịch sử, đồng thời cũng đứng trước nhiều vấn đề mới, tình hình mới, thách thức mới. Chỉ có nắm bắt cơ hội, nhanh chóng phát triển, tỉnh Tứ Xuyên mới có thể giải quyết được vấn đề tồn tại trong thực tế phát triển, tạo nên thành tích mới trong công cuộc xây dựng đô thị và nông thôn.

1. Đề ra quy hoạch đô thị và nông thôn một cách khoa học, đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa

Theo nguyên tắc quy hoạch đi trước, xây dựng một cách khoa học, tỉnh Tứ Xuyên kết hợp nhanh chóng đô thị hóa, công nghiệp hóa với xây dựng nông thôn mới, tiếp tục thực hiện chiến lược tổng thể phát triển khu vực, đẩy mạnh thực hiện hệ thống đô thị trong toàn tỉnh, phát huy tác dụng chỉ đạo của quy hoạch hệ thống đô thị đối với phát triển đô thị. Thúc đẩy tiến trình đô thị hóa mới với trọng điểm là nâng cao sức chịu tải tổng hợp của đô thị và hình thái chủ đạo là quần thể đô thị, đồng thời quan tâm tới đô thị và nông thôn, phát triển khu vực một cách cân đối. Tăng cường điều tiết phát

triển khu vực trọng điểm, xây dựng quần thể bốn đô thị lớn Bình Nguyên Thành Đô, Xuyên Nam, Phan Tây và Xuyên Đông, hình thành cơ chế phát triển cân đối đô thị trong khu vực để có thể bổ sung ưu thế cho nhau, thúc đẩy nhau phát triển, thúc đẩy các đô thị lớn, vừa và nhỏ, các thị trấn nhỏ bố cục hợp lý, phát triển cân đối, khiến cho chức năng đô thị bổ sung lẫn cho nhau, phân công hợp lý các ngành sản xuất, dân số bố sung hợp lý, hình thành cục diện phát triển đô thị khu vực bổ sung ưu thế cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau, từng bước xây dựng hệ thống đô thị hiện đại trong đó hình thái chủ thể là bốn quần thể đô thị lớn, hạt nhân là đô thị cực lớn Thành Đô, cốt cán là 12 đô thị trung tâm khu vực, cơ sở là đô thị vừa và nhỏ, thị trấn nhỏ. Đề ra biện pháp thực hiện “Quy hoạch đô thị và nông thôn tỉnh Tứ Xuyên”, kiện toàn hơn nữa cơ chế quyết sách như chế độ Ủy ban quy hoạch đô thị và nông thôn thẩm tra, chế độ tư vấn chuyên gia quy hoạch, chế độ cộng đồng tham gia..., tăng cường đi sâu chế độ phái giám sát viên quy hoạch đô thị thường trú của tỉnh Tứ Xuyên, mở rộng phạm vi chế độ giám sát viên quy hoạch thường trú từ thành phố trên cấp địa phương tới thành phố cấp huyện, thành phố cơ chế và thị trấn nông thôn, tiến tới toàn tỉnh thực hiện chế độ giám sát quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Triển khai sâu rộng công tác xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn, tạo ra môi trường phát triển và môi trường cư trú tốt đẹp

Môi trường đô thị và nông thôn tốt đẹp là điều kiện tiên quyết để kinh tế xã hội tỉnh Tứ Xuyên phát triển mạnh mẽ trong tương lai, là nhân tố quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh tổng hợp. Bởi vậy, ra sức triển khai xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn là nhiệm vụ chiến lược phát triển lâu dài của tỉnh Tứ Xuyên. Theo yêu cầu của Tỉnh ủy, Chính quyền nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh toàn diện xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn, lấy đột phá khẩu là nhanh chóng xây

dựng công trình hạ tầng môi trường. Với tiêu chuẩn là “sạch sẽ, trình tự, đẹp đẽ và chế độ”, tổng kết và nhân rộng kinh nghiệm thành công của các đô thị thí điểm, nắm bắt cơ hội tái xây dựng sau động đất và mở rộng nhu cầu bên trong, nhanh chóng xây dựng thị chính, đồng thời bố trí xây dựng các công trình cơ bản như giao thông, năng lượng, thủy lợi, thông tin, bảo vệ môi trường..., tăng cường xây dựng công trình phủ xanh đô thị, cải thiện chất lượng môi trường đô thị và nông thôn, tạo môi trường phát triển thuận lợi.

3. Ra sức đẩy mạnh xây dựng nhà bảo đảm, thiết thực giải quyết vấn đề khó khăn nhà ở của quần chúng nhân dân

Kiên trì lấy con người làm gốc, ưu tiên đáp ứng nhu cầu cư trú cơ bản của cư dân đô thị, tăng cường xây dựng nhà ở thương phẩm thông thường, nhà ở phù hợp với điều kiện kinh tế và nhà ở cho thuê với giá rẻ, cải thiện hơn nữa điều kiện nhà ở cho quần chúng nhân dân, tăng cường xây dựng nhà ở bảo đảm, nhấn mạnh trọng điểm xây dựng nhà ở cho thuê với giá rẻ, nhanh chóng cải tạo khu nhà ở chuột, ra sức cải tạo nhà ở dột nát ở nông thôn, “Kế hoạch hành động định cư cho dân du mục khu vực Tây Tạng” và “Kế hoạch hành động cải tạo nhà ở khu vực dân tộc Di” đã thiết thực giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho quần chúng nhân dân có khó khăn nhà ở, vấn đề nhà ở khu vực dân tộc.

4. Kiên trì sáng tạo cải cách, thúc đẩy ngành xây dựng tỉnh Tứ Xuyên phát triển

Tiếp tục điều chỉnh tối ưu hóa cơ cấu doanh nghiệp xây dựng, dốc sức giải quyết vấn đề ngành Xây dựng tỉnh Tứ Xuyên lớn mà không mạnh, tăng cường mối liên kết giữa ngành Xây dựng và các ngành như khảo sát thiết kế, gọi thầu đấu thầu, tư vấn giá thành, giám sát quản lý thi công..., tăng cường xây dựng hệ thống tín dụng ngành. Cố gắng bồi dưỡng các doanh nghiệp cốt cán, nâng cao sức cạnh tranh tổng hợp. Đẩy mạnh phát triển các tập đoàn khảo sát thiết kế cỡ lớn có ưu thế kỹ thuật và quyền tài sản tri thức, thúc đẩy công tác tiêu chuẩn hóa thiết kế, tăng cường sáng tạo kỹ thuật và ứng dụng kỹ thuật mới, nâng cao trình độ kỹ thuật và chất lượng khảo sát thiết kế. Hết sức đẩy mạnh cải cách mô thức quản lý xây dựng hạng mục công trình, tích cực thực hiện chế độ đại lý (làm thay) trong các hạng mục do chính quyền đầu tư và hạng mục tái xây dựng sau động đất, bồi dưỡng thị trường quản lý đại lý xây dựng quy phạm và lành mạnh, không ngừng nâng cao thị phần trong và ngoài nước của ngành Xây dựng tỉnh Tứ Xuyên, khiến ngành Xây dựng tỉnh Tứ Xuyên phát triển lớn mạnh.

Dương Hồng Ba

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn TQ” số 12/2009

ND: Hoàng Thế Vinh

LỄ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT CỦA CTY CP LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG - TCTY XÂY DỰNG HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2010



Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan trao Huân chương Độc lập Hạng Nhất cho Cty



Toàn cảnh buổi Lễ